

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Trần Tuyết Mai
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng**

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trần Tuyết Mai
Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng**

HẢI PHÒNG – 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Tuyết Mai

Mã SV: 1112401080

Lớp: QT1501K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5

NHIỆM VỤ TỐT NGHIỆP

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ):

- Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .
- Khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán:

Số liệu năm 2014

3. Địa điểm thực tập:

CÔNG TY CP LISEMCO 5

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Nguyễn Thị Thúy Hồng*

Học hàm, học vị: Thạc sỹ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Lisemco 5

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2015.

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngàytháng năm 2015.

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Tuyết Mai

Ths. Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2015

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm tốt nghiệp:

- Tinh thần, thái độ nghiêm túc trong quá trình làm tốt nghiệp.
- Chịu khó, ham học hỏi tiếp thu ý kiến của giáo viên.
- Hoàn thành khoá luận đúng thời gian quy định.

2. Đánh giá chất lượng của khoá luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ ĐTTN trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu)

Khóa luận có kết cấu khoa học và hợp lý, được chia thành 3 chương:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp: Tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lý luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học.
- Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Lisemco 5: Tác giả trình bày tương đối khoa học và hợp lý phần hạch toán giá vốn, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu minh họa năm 2014. Số liệu được dẫn dắt từ chứng từ vào đến sổ sách và báo cáo tương đối logic và hợp lý.
- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Lisemco 5: Tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán theo đề tài nghiên cứu. Các ý kiến đưa ra đều có cơ sở khoa học, hợp lý và được tính toán cụ thể, có sức thuyết phục.

3. Cho điểm của giáo viên hướng dẫn (ghi cả bằng số và chữ):

Bằng số :

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2014

Giáo viên hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Thuý Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	3
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	5
1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	5
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.1.1.1. Doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu.....	5
1.1.1.2. Chi phí.....	7
1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.1.2. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong doanh nghiệp.....	9
1.1.2.1. Các phương thức bán hàng.....	9
1.1.2.2. Các phương thức thanh toán.....	10
1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	11
1.2.1. Chứng từ sử dụng.....	11
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu và thu nhập khác.....	11
1.2.1.2. Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí.....	11
1.2.1.3. Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	12
1.2.2. Tài khoản sử dụng.....	12
1.2.2.1. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu và thu nhập khác.....	12
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí.....	16
1.2.2.3. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	19
1.2.3. Kế toán tổng hợp trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	20
1.3. Tổ chức vận dụng sổ sách trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	30

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5.....	32
2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	32
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	32
2.1.2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh.....	33
2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty.....	33
2.2. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty.....	35
2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty.....	35
2.2.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	37
2.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	39
2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	41
2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	50
2.3.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	54
2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	60
2.3.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	66
2.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	71
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5.....	79
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	79
3.1.1. Những kết quả đạt được.....	79
3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục.....	79
3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.....	82
KẾT LUẬN.....	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	92

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bước sang thời kỳ đổi mới đất nước, chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp đang gặp sự cạnh tranh gay gắt và ngày càng rõ nét đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn luôn nhận thức và đánh giá được tiềm năng của doanh nghiệp mình trên thị trường để có thể tồn tại, đứng vững và ngày càng phát triển. Kế toán ra đời là một bộ phận không thể thiếu trong việc cấu thành doanh nghiệp. Có thể nói, kế toán là một công cụ đắc lực cho nhà quản lý, nó không chỉ phản ánh toàn bộ tài sản, nguồn vốn của doanh nghiệp mà còn phản ánh doanh thu, chi phí và lợi nhuận đạt được cho nhà quản lý nắm bắt được.

Đối với doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích thu lợi nhuận. Vì vậy vấn đề lớn nhất mà doanh nghiệp quan tâm là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất trong khi chi phí bỏ ra thấp nhất. Lợi nhuận là thước đo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc tính toán lợi nhuận của doanh nghiệp chính là các khoản doanh thu và các khoản chi phí. Nhận thức đầy đủ và đúng đắn vai trò và ý nghĩa của việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, sau một thời gian tìm hiểu thực tế sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5, kết hợp với những kiến thức em đã học và sự chỉ bảo tận tình của Thạc sỹ Nguyễn Thị Thúy Hồng, em đã lựa chọn đề tài "*Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5*" cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Vận dụng những lý thuyết đã tiếp thu được ở trường vào thực tiễn nhằm củng cố và nâng cao kiến thức chuyên ngành cho bản thân.
- Tìm hiểu tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.
- Đưa ra những đánh giá nhận xét về thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Bước đầu đề xuất một số biện pháp góp phần hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Phạm vi nghiên cứu: Chỉ nghiên cứu và hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5, các chứng từ, tài liệu liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp
- Phương pháp thống kê
- Phương pháp phân tích KD
- Phương pháp so sánh
- Phương pháp hạch toán kế toán

5. Kết cấu khóa luận

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khóa luận của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5.

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Một số vấn đề chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp****1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh****1.1.1.1. Doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu[3]. Doanh thu bao gồm:

❖ **Doanh thu bán hàng:** là tổng giá trị được thực hiện do bán hàng hóa, sản phẩm cho khách hàng. Đối với các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu ghi nhận là giá bán không bao gồm thuế GTGT đầu ra phải nộp; ngược lại, với những doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hay những đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT, doanh thu ghi nhận là tổng giá thanh toán [2].

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.[3]

❖ **Doanh thu cung cấp dịch vụ:** là tổng giá trị được thực hiện do cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Đối với các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu ghi nhận là giá bán không bao gồm thuế GTGT đầu ra phải nộp; ngược lại, với những doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hay những đối tượng không thuộc diện chịu thuế GTGT, doanh thu ghi nhận là tổng giá thanh toán [2].

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.[3]

❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ:** là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ [4].

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh có liên quan tới hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác[3].

❖ **Thu nhập khác:** là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác. [3]

Các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Chiết khấu thương mại:** dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với số lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại [4].

❖ **Hàng bán bị trả lại:** dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách [4].

❖ **Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế [4].

Các khoản giảm trừ doanh thu còn:

❖ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** là loại thuế đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như bia, rượu, thuốc lá, ô tô,...

❖ **Thuế xuất khẩu:** là loại thuế đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

❖ **Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp:** là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ. [6]

Doanh thu bán hàng thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

1.1.1.2. Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu. Chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và chi phí khác [3].

❖ **Giá vốn hàng bán** là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh[2].

❖ **Chi phí bán hàng** là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ [1]. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí vật liệu bao bì

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí bảo hành sản phẩm
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp** là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không thể tách riêng cho bất kỳ hoạt động nào được. Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng là một khoản chi phí thời kỳ nên cũng được trừ vào kết quả kinh doanh ở kỳ mà nó phát sinh [2]. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

❖ **Chi phí tài chính** bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá mua và bán ngoại tệ,...[4].

❖ **Chi phí khác** là những khoản chi phí do các sự kiện hay các nghiệp vụ khác biệt với hoạt động thông thường gây ra bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;
- Các khoản chi phí khác.[1]

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm tài chính hiện hành[1].

1.1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng thuần (doanh thu thuần) với giá vốn hàng đã bán (của sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ,...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần – (Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính – Chi phí tài chính

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác – Chi phí khác. [1]

1.1.2. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán trong doanh nghiệp

1.1.2.1. Các phương thức bán hàng

❖ **Phương thức bán hàng trực tiếp**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho, quầy hay tại xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.[2]

❖ **Phương thức chuyển hàng**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hoặc toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.[2]

❖ **Phương thức gửi hàng cho khách**

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách hàng theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro

được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hóa đã được thực hiện và là thời điểm bên bán ghi nhận doanh thu bán hàng. [6]

❖ ***Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng***

- Đối với đơn vị ký gửi hàng hóa (chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận lý gửi một khoản hoa hồng theo tỷ lệ phần trăm trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

- Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: Số sản phẩm, hàng hóa nhận bán, ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.[2]

❖ ***Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp***

Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua hàng, số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho khách và được khách hàng chấp nhận thanh toán, hàng hóa được coi là tiêu thụ.[6]

1.1.2.2. Các phương thức thanh toán

❖ ***Phương thức thanh toán trực tiếp***

Thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thanh toán ngay bằng tiền mặt cho người bán. Phương thức thanh toán này thường sử dụng trong trường hợp người mua hàng với khối lượng không nhiều và chưa mở tài khoản tại ngân hàng.

Thanh toán qua ngân hàng: Theo phương thức này, ngân hàng đóng vai trò trung gian giữa doanh nghiệp và khách hàng, làm nhiệm vụ chuyển tiền từ tài khoản của người mua sang tài khoản của doanh nghiệp và ngược lại. [6]

❖ ***Phương thức thanh toán trả chậm trả góp***

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần, người mua thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. [6]

1.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.2.1. Chứng từ sử dụng

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu và thu nhập khác

❖ *Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu[1]:*

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 01 – BH).
- Thẻ quây hàng (Mẫu 02 – BH).
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, Séc chuyển khoản, Séc thanh toán, Ủy nhiệm thu, Giấy báo có, Bảng sao kê của ngân hàng...)
- Các chứng từ liên quan khác như Phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hóa đơn vận chuyển, bốc dỡ,...

❖ *Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu hoạt động tài chính*

- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu
- Các hợp đồng cho vay
- Các giấy tờ liên quan

❖ *Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán thu nhập khác*

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có của ngân hàng,...

1.2.1.2. Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí

❖ *Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán giá vốn hàng bán*

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 01 – GTGT – 322)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

❖ *Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ NVL – Công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02 – TT)
- Các chứng từ gốc có liên quan
- ❖ *Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí tài chính*
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh liên kết
- Các chứng từ khác có liên quan
- ❖ *Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí khác*
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng,...
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.3. Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2. Tài khoản sử dụng

1.2.2.1. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu và thu nhập khác

➤ *Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Tài khoản 511 gồm 5 TK cấp 2 như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tk 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113: Doanh thu bán cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511:

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB hoặc thuế XK và thuế GTGT theo PP trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ. - Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ. - Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh". 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, doanh thu BĐSĐT của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. [4]

➤ **Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ**

Tài khoản 512 gồm 3 TK cấp 2 như sau:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 512:

Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển trong kỳ. - Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ. - Số thuế GTGT phải nộp theo PP trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ. - Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh". 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ.
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ. [4]

➤ **Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại**

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 521:

Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại

- Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.	-Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để tính doanh thu thuần trong kỳ.
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ. [4]

➤ **Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại**

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 531:

Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.	-Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", hoặc TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ.
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ. [4]

➤ **Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán**

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 532:

Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong HĐKT.	-Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ".
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ. [4]

➤ **Thuế:**

Các khoản thuế làm giảm doanh thu như:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt

- Thuế xuất khẩu
- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
- **Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 515:

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính	
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo PP trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức lợi nhuận được chia. - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết. - Chiết khấu thanh toán được hưởng. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ. - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính. - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có
=	=

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ. [4]

- **Tài khoản 711 – Thu nhập khác**

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 711:

Tài khoản 711 – Thu nhập khác	
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo PP trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo PP trực tiếp. - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có
=	=

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.[4]

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán chi phí**➤ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán**

Trường hợp doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 632:

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đã bán ra trong kỳ. - Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt mức trên mức bình thường và chi phí SXC cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm các cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự chế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán ra trong kỳ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh. - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính. - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.[4]

✓ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng bán xuất kho và đơn giá tính bình quân.

$$\begin{aligned}
 & \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng sản phẩm hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân} \\
 & \text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập trong kỳ}} \\
 & \text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập i} = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập i}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập i}}
 \end{aligned}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa, vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn lại sau mỗi lần xuất.

✓ **Phương pháp nhập trước- xuất trước (FIFO)**

Theo phương pháp này giả định hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần cuối kỳ. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✓ **Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)**

Theo phương pháp này giả định hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

✓ **Phương pháp tính theo giá đích danh**

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giả định kho xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.[4]

➤ **Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng**

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 641:

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng	
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ.	-Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh.
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.[4]

➤ **Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 642:

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp toàn bộ chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Dự phòng trợ cấp mất việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết. - Các khoản ghi giảm chi phí doanh nghiệp. - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.[4]

➤ **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính**

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 635:

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính. - Chiết khấu thanh toán cho người mua. - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư. - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh. - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hình thành đầu tư vào chi phí tài chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh
Tổng PS bên Nợ	Tổng PS bên Có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.[4]

➤ **Tài khoản 811 – Chi phí khác****Tài khoản 811 – Chi phí khác**

- Các chi phí phát sinh khác phát sinh.	-Kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác vào TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".
Tổng PS Bên Nợ	Tổng PS Bên Có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ. [4]

➤ **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 821:

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

-Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm; -Thuế TNDN của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại. -Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế hoãn lại phải trả; -Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại; -Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 vào bên Có TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.	-Số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm; -Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại; -Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại; -Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại; -Kết chuyển chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào bên Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh; -Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm vào bên Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.
Tổng PS bên Nợ	Tổng PS bên Có

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.[4]

1.2.2.3. Tài khoản sử dụng trong hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác[4].

Kết cấu và nội dung phản ánh TK 911:

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

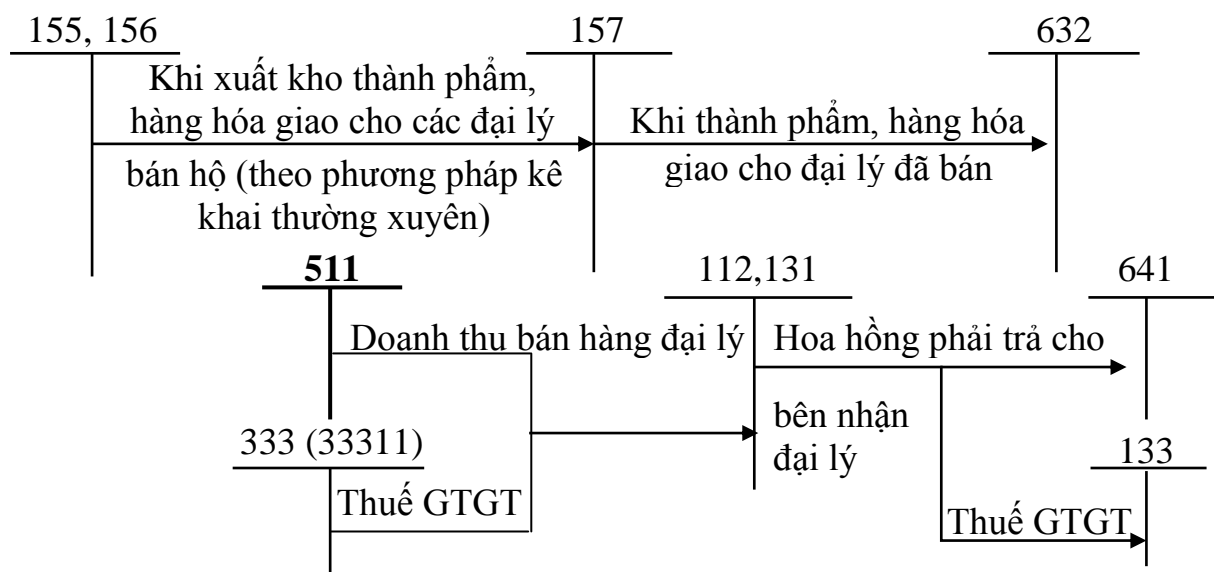
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT và dịch vụ đã bán.	- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN.
- Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác.	- Kết chuyển lỗ.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.	
Tổng PS bên Nợ	Tổng PS bên Có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.[4]

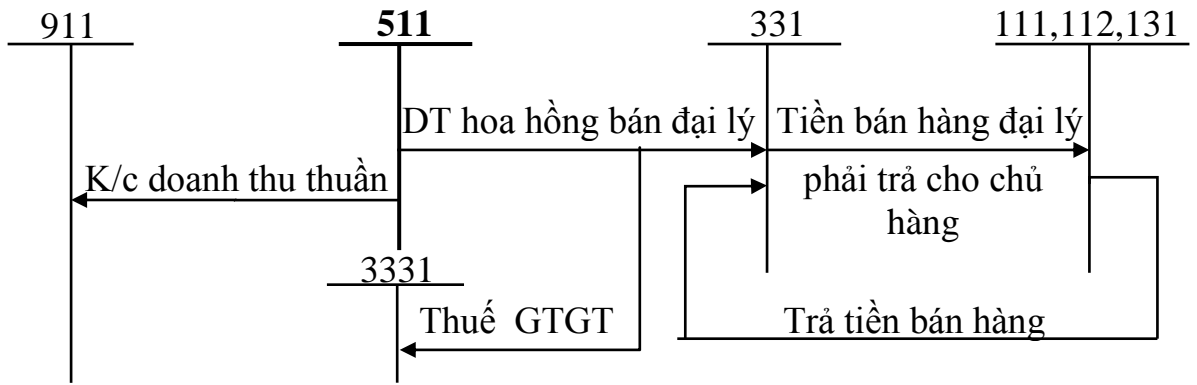
1.2.3. Kế toán tổng hợp trong hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

❖ Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

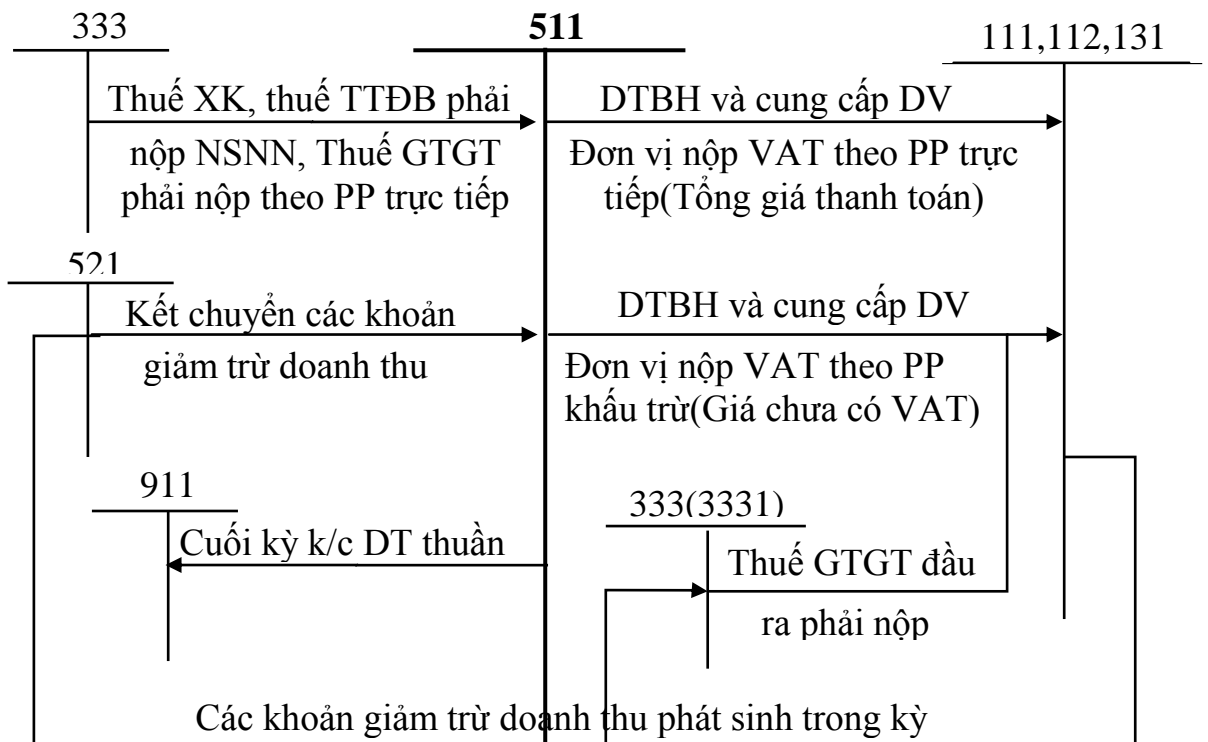
a) Theo phương thức bán hàng đại lý, ký gửi tại bên giao đại lý [4]



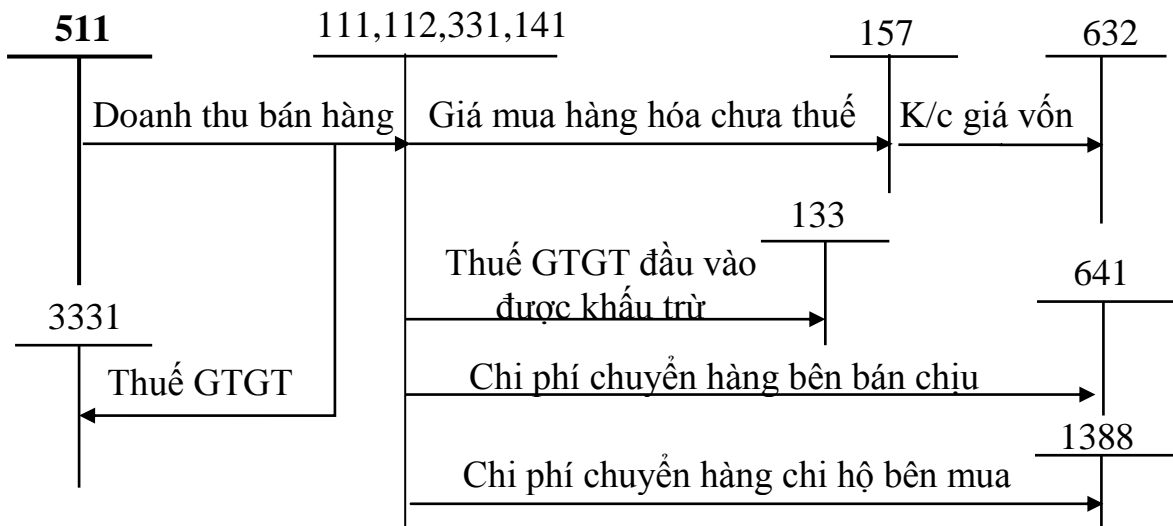
b) Theo phương thức bán hàng đại lý ký gửi tại bên nhận đại lý [4]



c) Theo phương thức bán hàng trực tiếp [4]

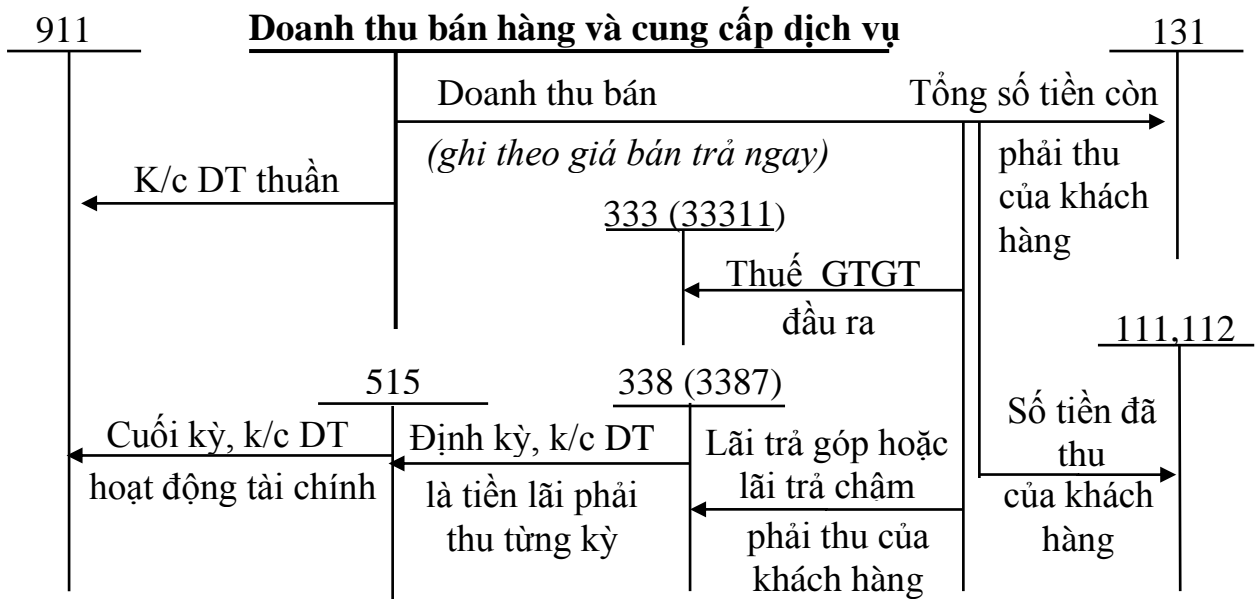


d) Theo phương thức bán buôn vận chuyển thẳng hình thức chuyển hàng [1]

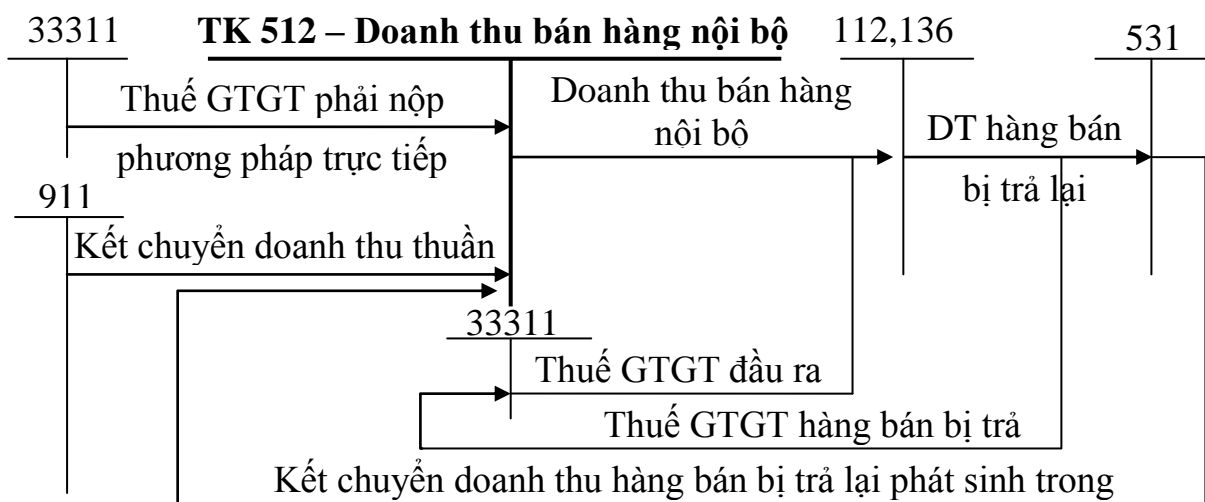


e) Theo phương thức bán hàng trả chậm, trả góp [1]

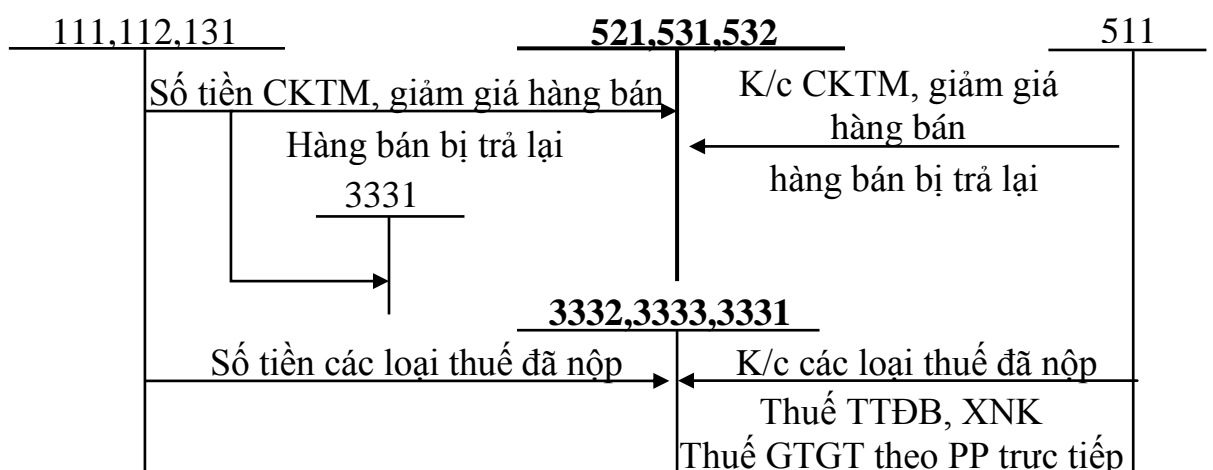
TK 511



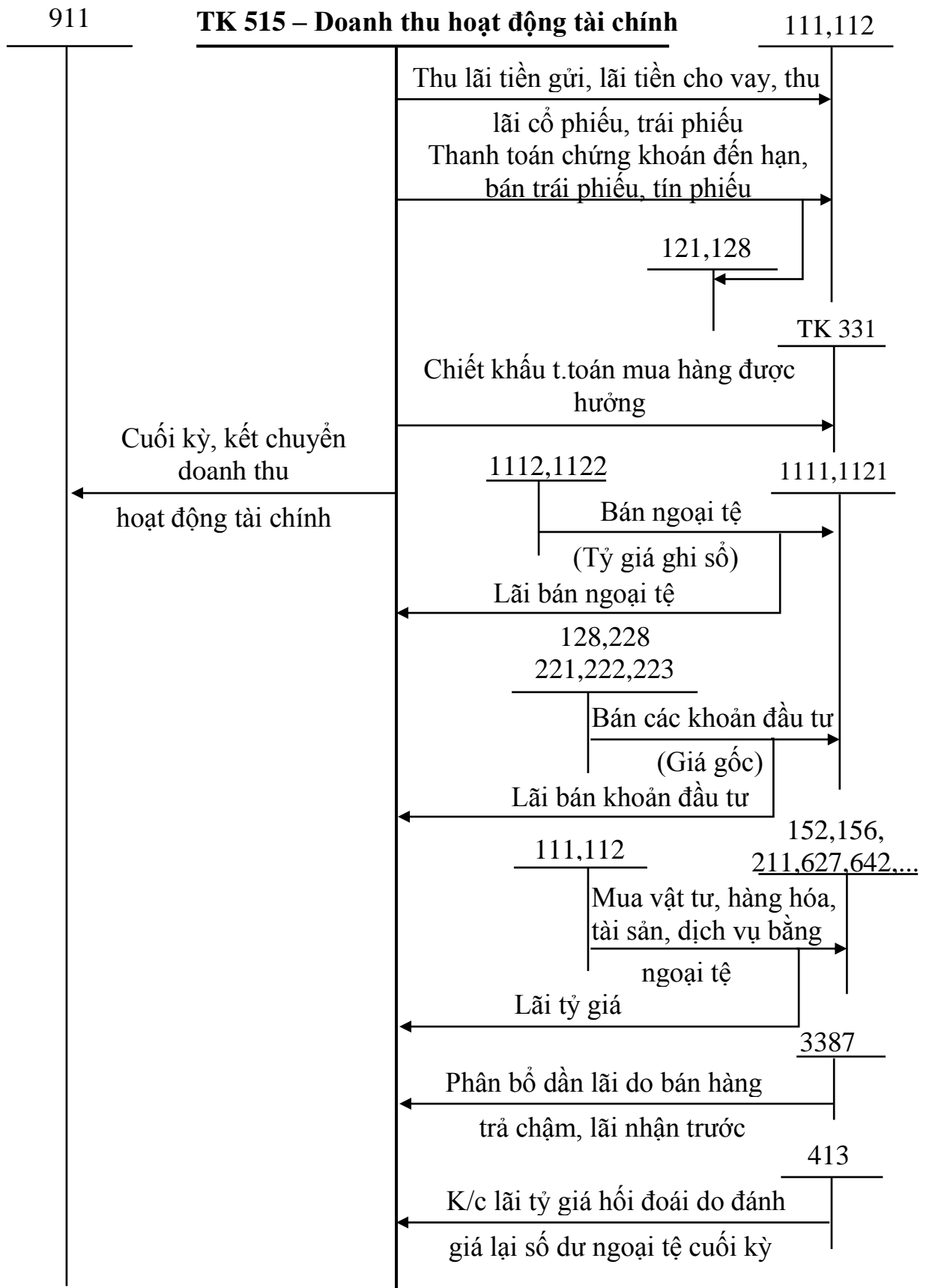
❖ **Sơ đồ 1.2: Kế toán tổng hợp Doanh thu bán hàng nội bộ [4]**



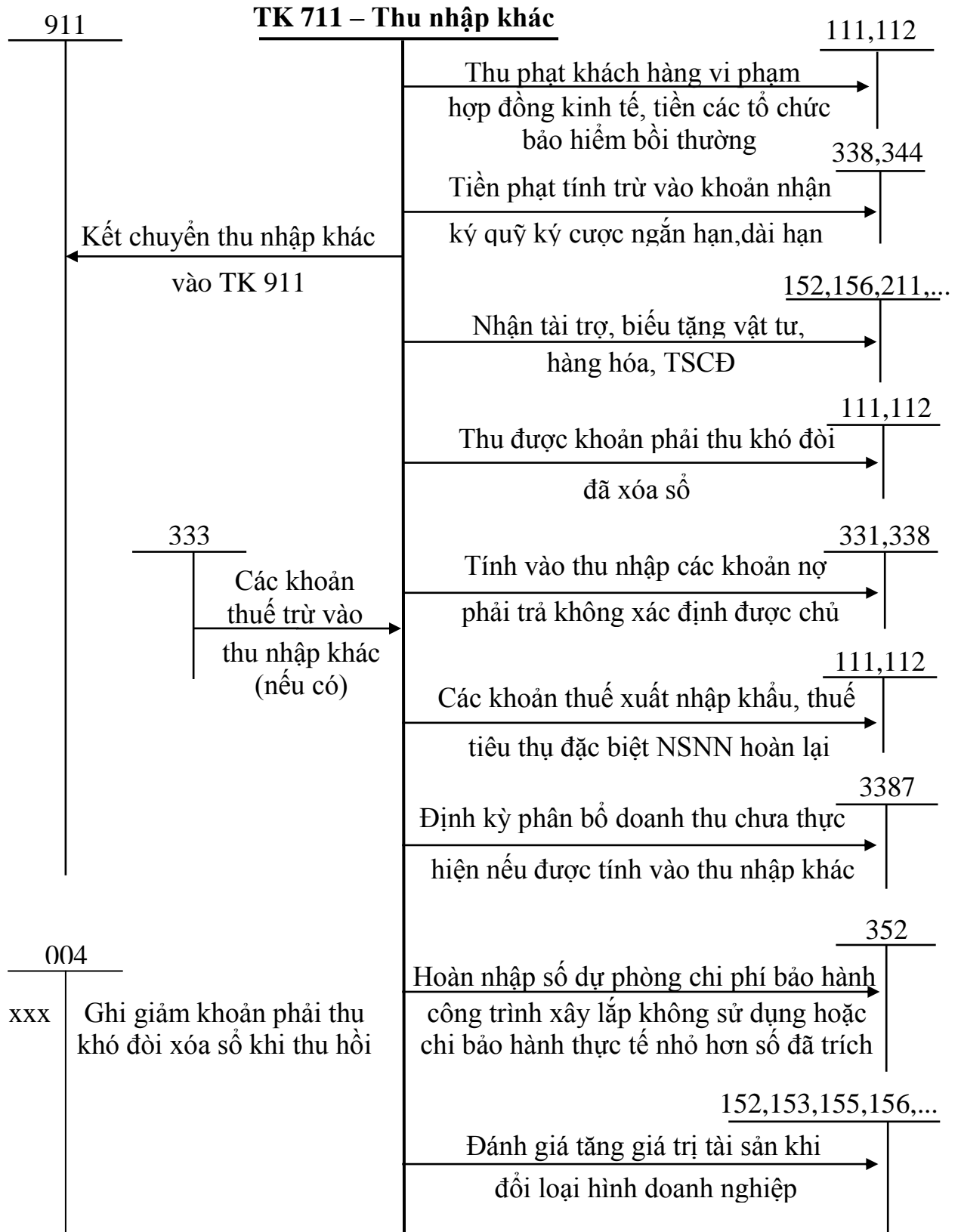
❖ **Sơ đồ 1.3: Kế toán tổng hợp Các khoản giảm trừ doanh thu [4]**

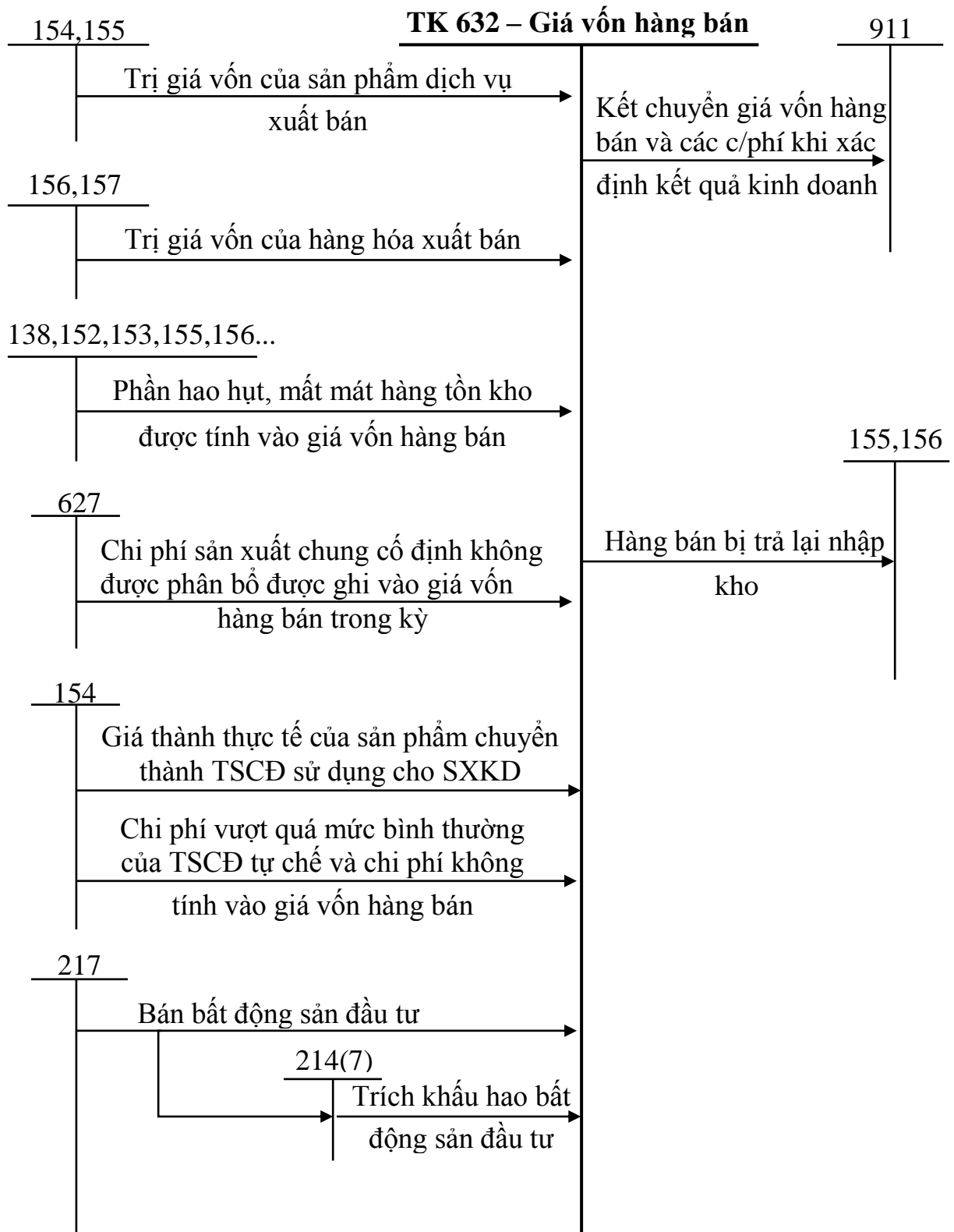


❖ Sơ đồ 1.4: Kế toán tổng hợp Doanh thu hoạt động tài chính [4]

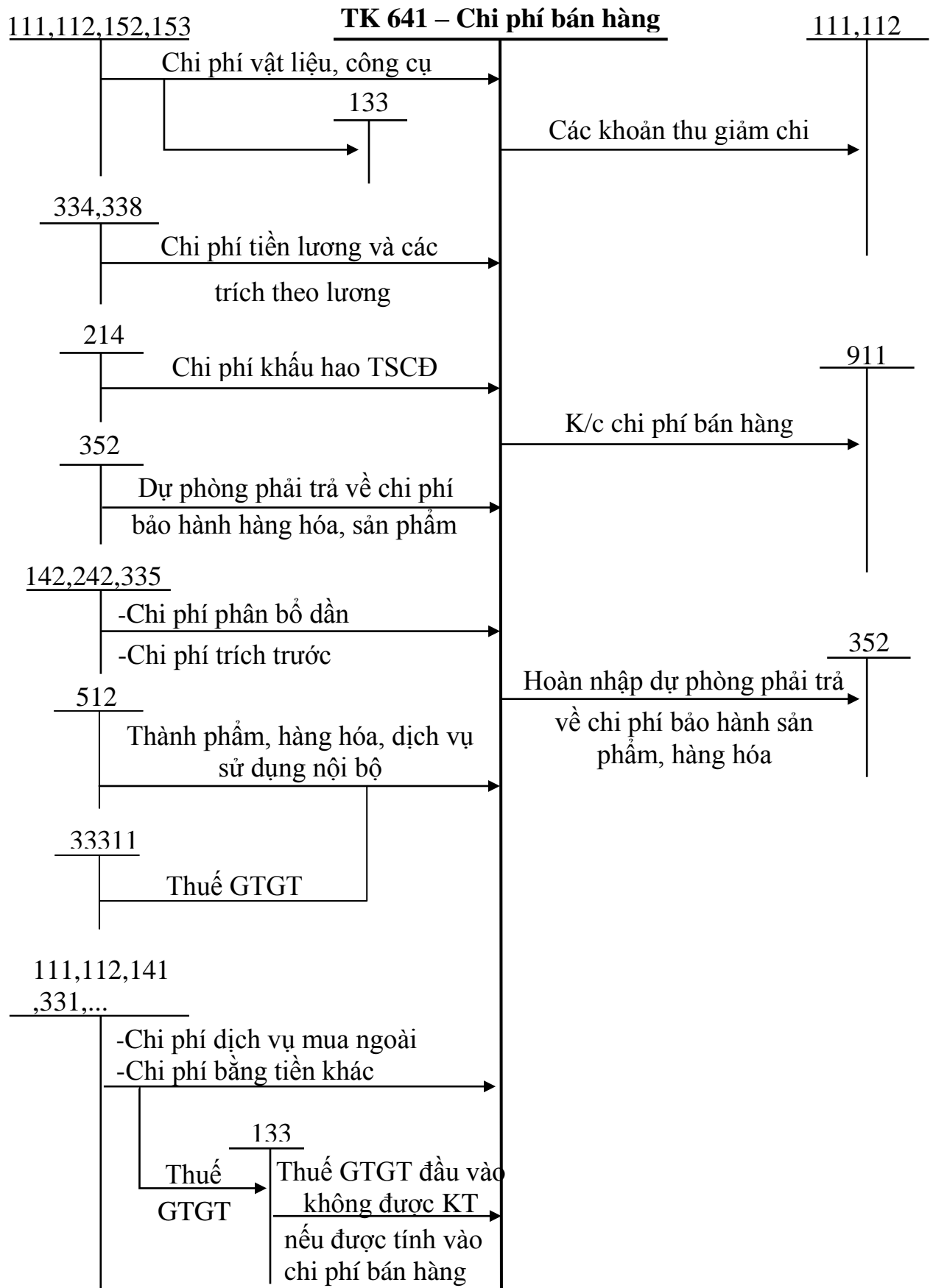


❖ Sơ đồ 1.5: Kế toán tổng hợp Thu nhập khác [4]

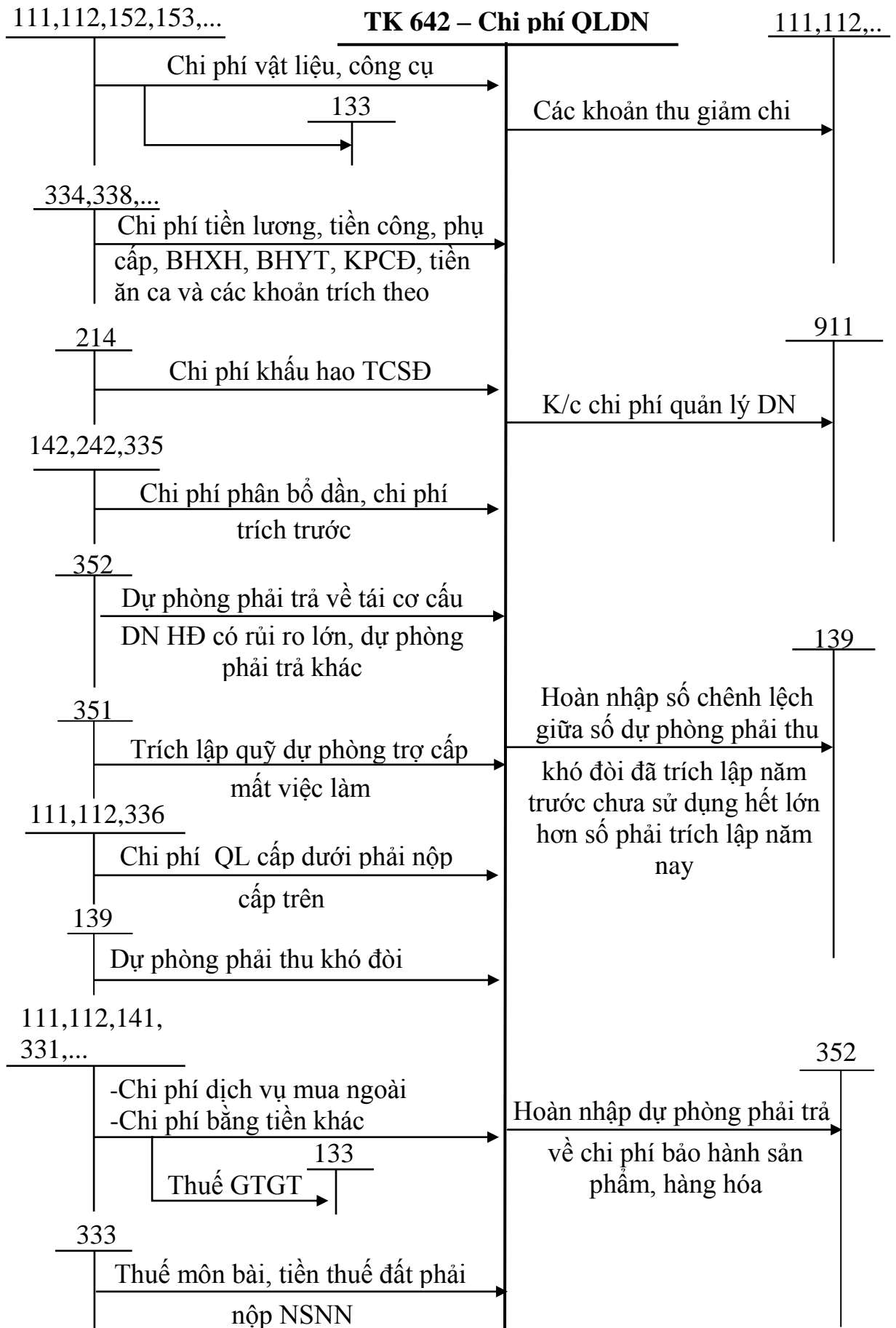


❖ *Sơ đồ 1.6: Kế toán tổng hợp Giá vốn hàng bán*

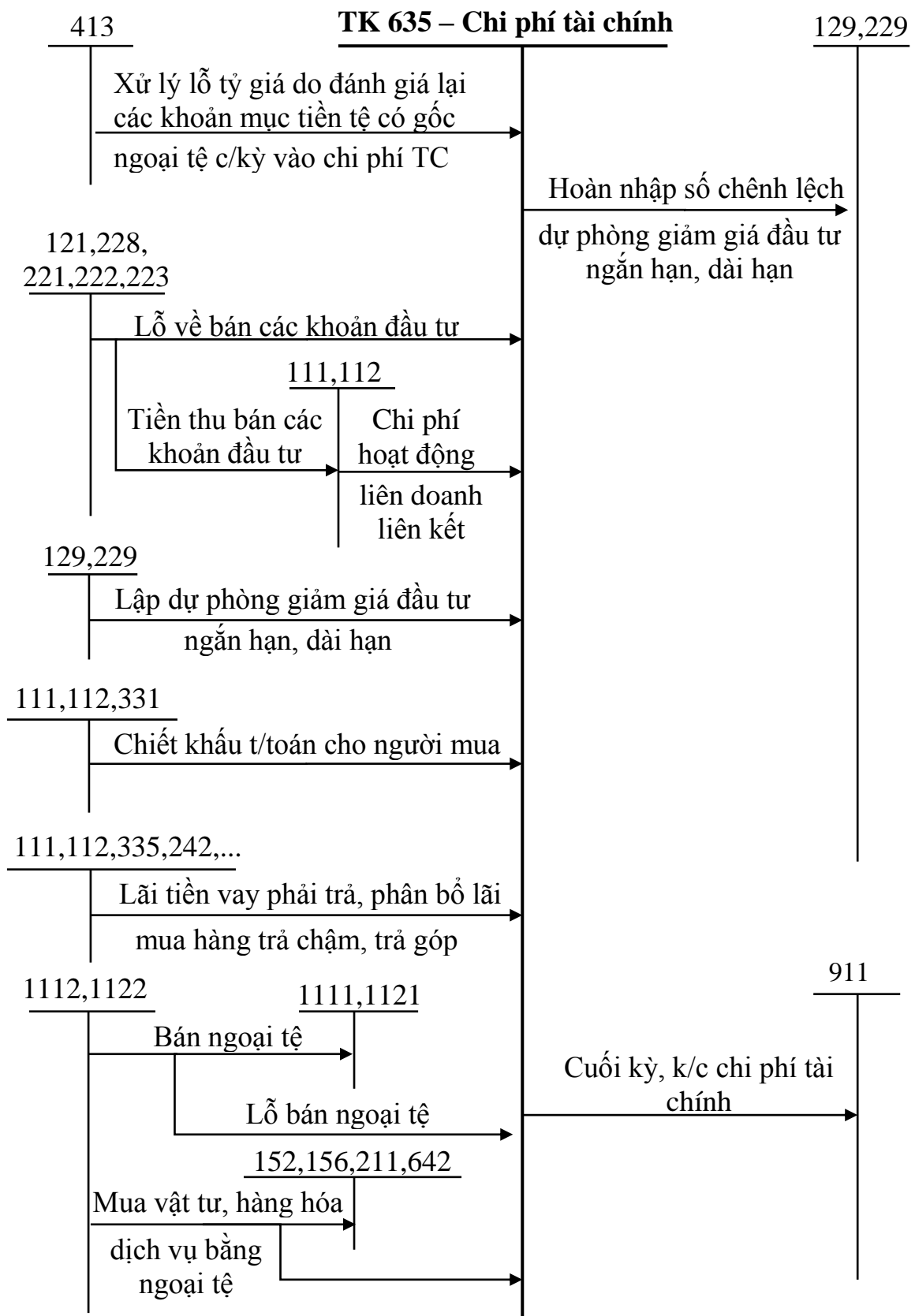
❖ Sơ đồ 1.7: Kế toán tổng hợp Chi phí bán hàng [4]



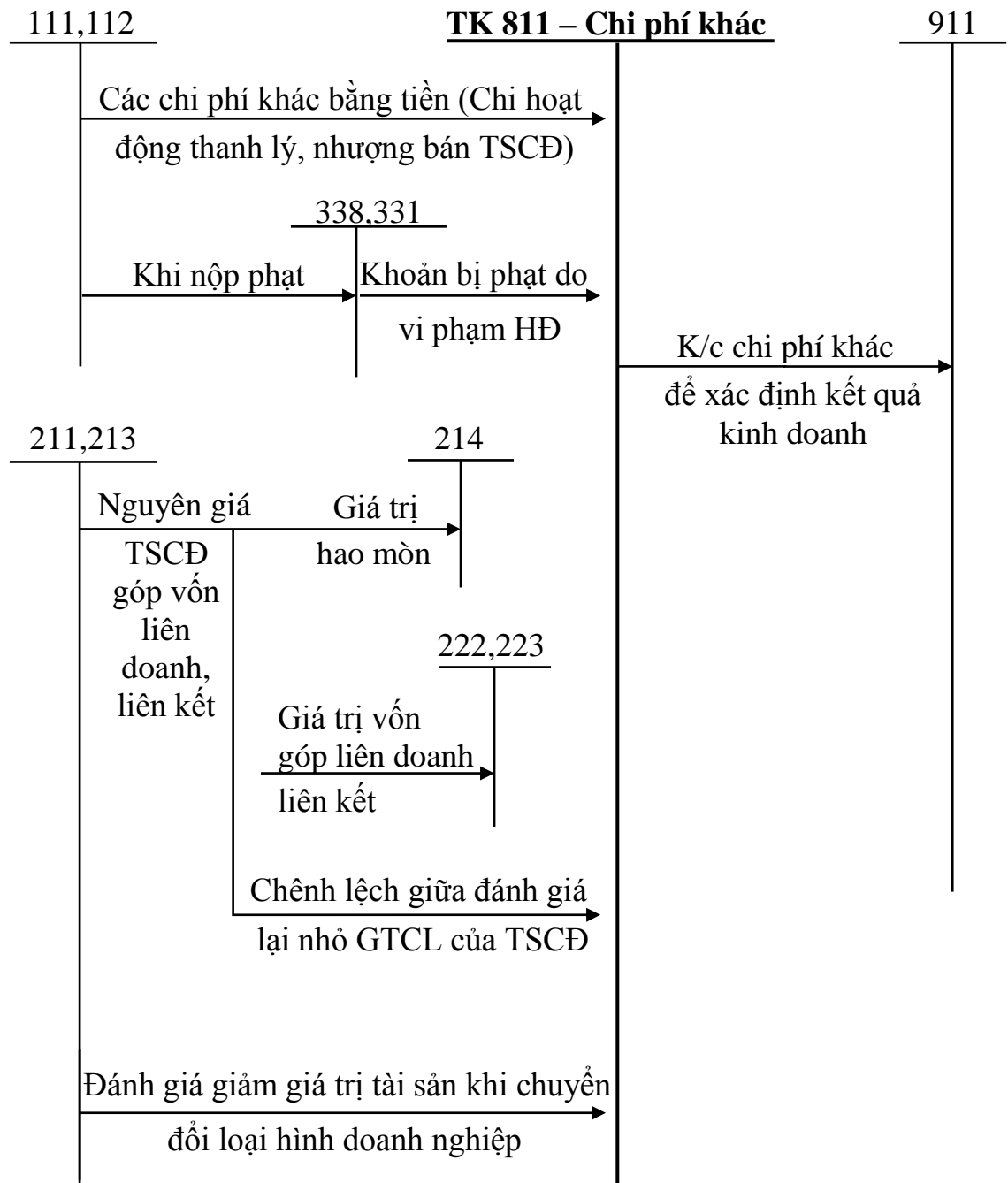
❖ Sơ đồ 1.8: Kế toán tổng hợp Chi phí Quản lý doanh nghiệp [4]

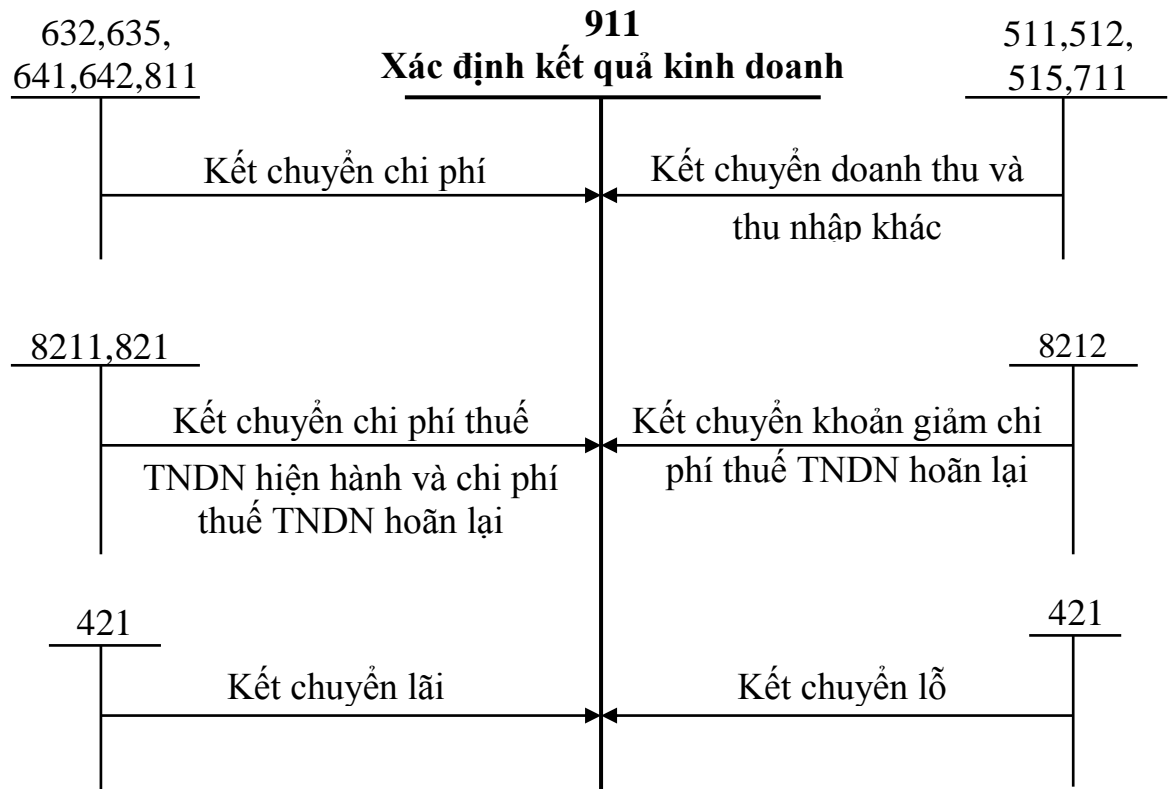


❖ Sơ đồ 1.9: Kế toán tổng hợp Chi phí tài chính [4]



❖ Sơ đồ 1.10: Kế toán tổng hợp Chi phí khác [4]



❖ *Sơ đồ 1.11: Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh [4]*

1.3. Tổ chức vận dụng sổ sách trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất, kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang bị kỹ thuật tính toán, doanh nghiệp lựa chọn một hình thức sổ kế toán phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó, bao gồm các loại sổ và kết cấu các loại sổ, quan hệ đối chiếu kiểm tra, trình tự, phương pháp ghi chép các loại sổ kế toán.

Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy tính

Tùy thuộc vào hình thức kế toán áp dụng sao cho phù hợp với từng loại sổ sách kế toán, mỗi doanh nghiệp chỉ có một hệ thống sổ kế toán chính thức và duy nhất cho một kỳ kế toán năm. Doanh nghiệp phải căn cứ vào hệ thống tài

khoản kế toán áp dụng tại doanh nghiệp và yêu cầu quản lý để mở đủ các sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết cần thiết.

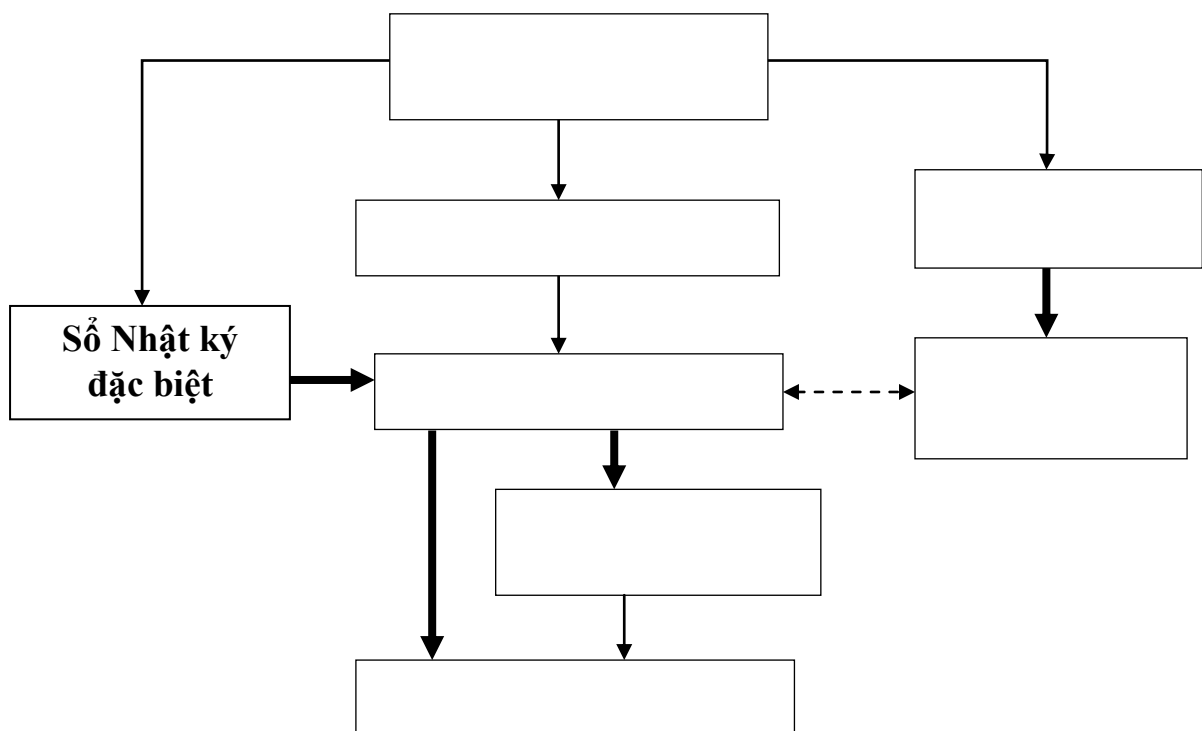
Trong phạm vi bài khóa luận này, em xin đề cập tới hình thức kế toán Nhật ký chung cũng là hình thức kế toán mà Công ty Cổ phần Lisemco 5 áp dụng.

Hình thức kế toán Nhật ký chung phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào Sổ Nhật ký chung lấy số liệu để ghi vào Sổ Cái. Mỗi bút toán phản ánh trong Sổ Nhật ký chung được chuyển vào Sổ Cái ít nhất cho hai tài khoản có liên quan.

Sổ sách của hình thức này bao gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ Nhật ký đặc biệt, Sổ và thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu kiểm tra ← - - - - - →

(Nguồn: Theo Quyển II – Chế độ kế toán doanh nghiệp)

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5

2.1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Lisemco 5

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Lisemco 5
- Tên tiếng anh: Lisemco 5 Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Lisemco 5
- Trụ sở chính: Km5+200 quốc lộ 5, phường Hùng Vương, quận Hồng

Bàng, Hải Phòng

- Điện thoại: (031)3850500
- Email : info@lisemco5.com.vn
- Fax: www.lisemco5.com.vn
- Mã số thuế: 0201040073
- Vốn điều lệ: 35.000.000.000
- Công ty Cổ phần Lisemco 5 là 1 trong 4 cơ sở chế tạo trực thuộc

Công ty Cổ phần Lisemco, trong đó Lisemco đóng góp 51% vốn điều lệ. Lisemco là thành viên thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam – LILAMA), được thành lập ngày 10 tháng 02 năm 2010 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0201040073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng.

- Xuất phát từ nhu cầu từng bước nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong ngành đóng tàu cũng như đẩy mạnh sự phát triển của ngành cơ khí chế tạo trong nước, Công ty Cổ phần Lisemco 5 đã thành lập với lĩnh vực hoạt động chính là Chế tạo nắp hầm hàng tàu và Gia công, chế tạo thiết bị KCT, với chiến lược là: Xây dựng Công ty Cổ phần Lisemco 5 thành đơn vị Chế tạo Nắp hầm hàng tàu xuất khẩu số 1 tại Việt Nam, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, chế tạo thiết bị KCT, tham gia tổng thầu xây lắp các nhà máy công nghiệp và dân dụng trong toàn quốc. Tham gia liên doanh, liên kết với các đối tác lớn của nước ngoài nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thương hiệu.

- Được thừa hưởng 50 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực gia công chế tạo KCT của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và của Lisemco, có đội ngũ cán bộ

quản lý giỏi; đội ngũ kỹ sư, cán bộ kỹ thuật giàu kinh nghiệm và nhiệt huyết; đội ngũ công nhân viên lành nghề, giỏi nghiệp vụ đều được chuyển từ các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam; đồng thời là đối tác chiến lược của Tập đoàn Macgrego Cargotec Oy – Phần Lan, tập đoàn danh tiếng hàng đầu trên thế giới trong lĩnh vực chế tạo nắp hầm hàng tàu, Lisemco 5 đã và đang thực hiện chủ trương của Chính phủ, đáp ứng được nhu cầu về sản phẩm nắp hầm hàng tàu cũng như thiết bị KCT cho thị trường trong và ngoài nước. Các sản phẩm của Lisemco 5 để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật theo tiêu chuẩn quốc tế, thỏa mãn các yêu cầu khắt khe của Macgrego cũng như của Đăng kiểm GL, DVN, NK, ... đủ điều kiện xuất khẩu sang các nước trên toàn thế giới.

- Không chỉ có đội ngũ CBCNV trẻ, năng động, giỏi nghiệp vụ và đoàn kết, Lisemco 5 còn sở hữu một hệ thống máy móc, thiết bị, nhà xưởng hiện đại, chuyên nghiệp như: nhà máy chế tạo cơ khí hiện đại hơn 10.000 m² nhà xưởng, sản xuất theo dây chuyền sơn của Hàn Quốc với tổng diện tích 4.500 m² trong được trang bị hệ thống máy điều ẩm hiện đại có thể làm sạch và sơn trong mọi điều kiện thời tiết...

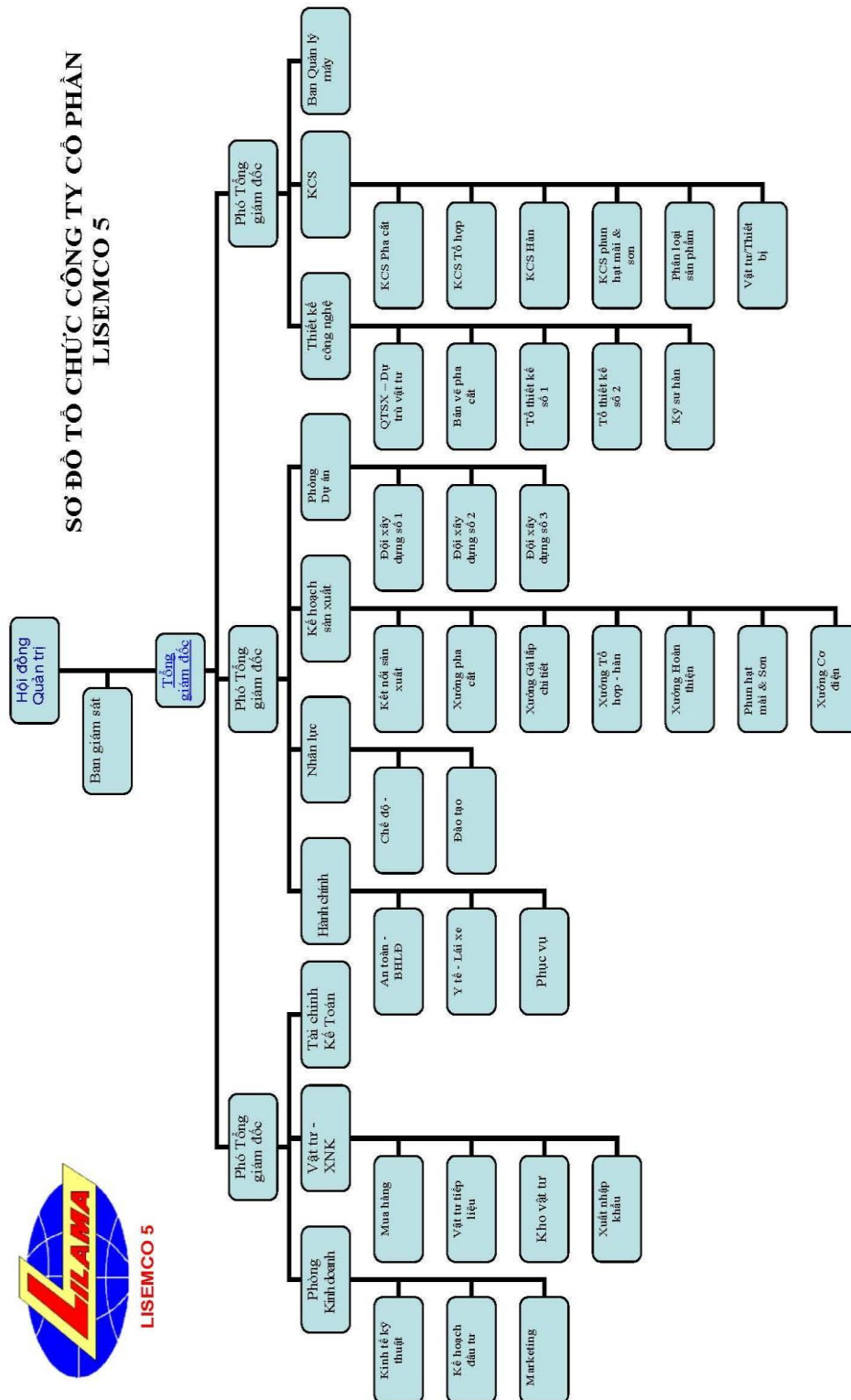
- Các đối tác chính của Lisemco 5 hiện nay là những Tập đoàn, Công ty danh tiếng như: Tập đoàn Cargotec Finland Oy, Tập đoàn Damen – Hà Lan, Công ty TNHH Sumitomo Mitsui, Công ty General Electric – Mỹ, Công ty Caterpillar – Mỹ, Công ty IHI, Công ty KOAM – Hàn Quốc, Công ty Speco – Hàn Quốc, Công ty Shingdon – Hàn Quốc, Công ty Ebara, Công ty Glowtec, Công ty Hitachi Crane, Công ty Cổ phần Xây dựng SongDa Jurong, Lilama, Lisemco, Công ty Dosan Vina, Hyundai Vinashin,...

2.1.2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Gia công kết cấu thép, sản xuất chế tạo nắp hầm hàng, chế tạo thiết bị phi tiêu chuẩn, bình bể, đường ống chịu áp lực, hệ thống điện lạnh, điện thông tin, đóng mới và sửa chữa các loại sà lan, tàu sông, tàu biển, tàu công trình, tàu chở dầu, tàu đặc chủng phục vụ nền kinh tế quốc dân; thi công lắp đặt thiết bị công nghệ; xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường thủy, đường bộ), thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế các cấp điện áp đến 500KV. Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư MMTB. Kinh doanh thép tấm...

2.1.3. Đặc điểm bộ máy quản lý của công ty

Sơ đồ 2.1: Bộ máy tổ chức Công ty Cổ phần Lisemco 5



(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

➤ **Chức năng các phòng ban trong cơ cấu tổ chức của công ty:**

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty trước pháp luật để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty.

- Ban giám soát: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của tổng giám đốc.

Tổng Giám đốc: Là người đứng đầu công ty, có trách nhiệm điều hành chung mọi hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh của công ty.

- Phó Tổng Giám đốc: Có 3 Phó Tổng Giám đốc hỗ trợ Giám đốc quản lý công ty, điều hành và giải quyết các vấn đề ở các phòng trực thuộc quản lý.

- Phòng Kinh doanh: Chủ động tìm kiếm đối tác, tham mưu cho ban lãnh đạo trong công ty định hướng kinh doanh. Giao dịch và đàm phán với khách hàng.

- Phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu: Tìm kiếm nguồn vật tư phục vụ sản xuất với giá cả và chi phí hợp lý nhất. Ký kết hợp đồng và đàm phán với nhà cung cấp.

- Phòng Tài chính - Kế toán: Tổ chức hạch toán các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh để phản ánh chính xác sự biến động của các chỉ tiêu tài chính. Hướng dẫn các bộ phận trong việc thanh toán, chế độ biểu mẫu, sổ sách theo đúng quy định.

- Phòng Hành chính: Có chức năng xây dựng phương án kiện toàn bộ máy tổ chức trong công ty, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Phòng Nhân lực: Đào tạo và quản lý nhân lực.

- Phòng Kế hoạch sản xuất: Lập kế hoạch sản xuất, tính toán khối lượng vật tư sử dụng, số lượng nhân công và công khoán, đơn giá công cho phân xưởng.

- Phòng Dự án: Quản lý tiến độ làm việc của các đội xây dựng.

- Phòng Thiết kế công nghệ: Quản trị quy trình kỹ thuật công nghệ tại công ty, thiết kế các bản vẽ phục vụ cho quá trình sản xuất và thi công xây dựng.

- Phòng KCS: Kiểm định chất lượng vật tư, giám sát quy trình sản xuất.

- Ban quản lý máy: Quản lý, bảo dưỡng và sửa chữa máy móc.

2.2. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty

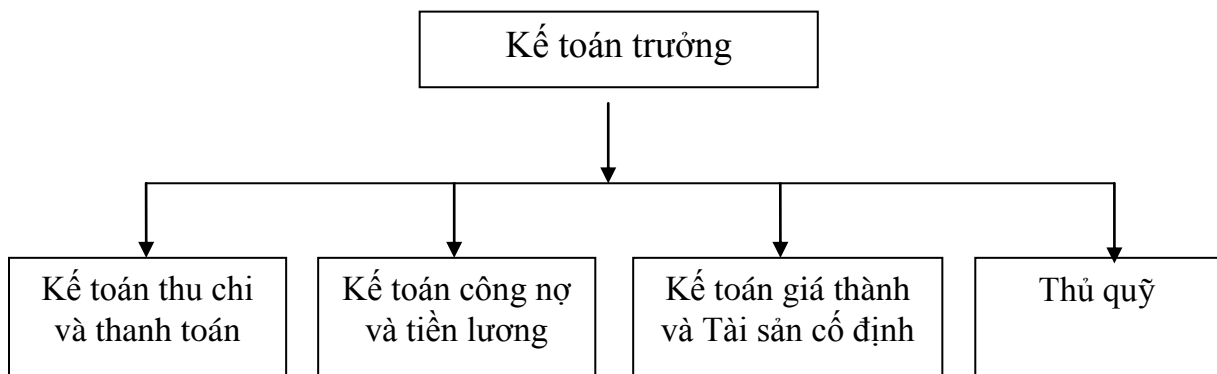
2.2.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Để phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và quản lý, phù hợp với chức năng và trình độ của nhân viên kế toán, đồng thời xây dựng bộ máy kế toán giảm nhưng đầy đủ về số lượng nhằm làm cho bộ máy kế toán là một tổ chức thực hiện tốt mọi nhiệm vụ công tác kế toán doanh nghiệp, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy **kế toán tập trung**. Theo phương pháp này, toàn bộ công tác kế toán đều tiến hành tại phòng kế toán, dưới sự kiểm tra trực tiếp của kế toán trưởng.

Bộ máy kế toán của công ty gồm 3 người, mỗi người đảm nhận các nhiệm vụ khác nhau. Mỗi nhân viên kế toán chịu trách nhiệm theo dõi ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến phần hành của mình. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp sẽ tập hợp đầy đủ các số liệu rồi đưa cho kế toán trưởng báo cáo cho lãnh đạo.

➤ **Mô hình bộ máy kế toán của công ty**

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần Lisemco 5



(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

➤ **Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận**

- Kế toán trưởng: Chỉ đạo tổ chức công tác kế toán, tổng hợp số liệu lập Báo cáo tài chính, Báo cáo Thuế... tham vấn cho Tổng Giám đốc về tình hình tài chính của công ty để đưa ra các quyết định hợp lý, kịp thời.
- Kế toán thu chi và thanh toán: Theo dõi tình hình thu chi tại quỹ tiền mặt và quỹ tại ngân hàng, thanh toán cho nhà cung cấp và trả lãi ngân hàng.
- Kế toán công nợ và tiền lương: Thu thập chứng từ liên quan đến công nợ, đơn đốc thu hồi nợ phải thu, tính toán lương, thưởng, bảo hiểm theo chế độ.
- Kế toán giá thành và Tài sản cố định: Tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm, theo dõi tình hình tăng giảm Tài sản cố định của công ty.

- Thủ quỹ: Quản lý quỹ, ghi chép các khoản thu chi tiền mặt.

2.2.2. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

➤ *Chính sách kế toán áp dụng tại công ty:*

Chế độ kế toán

- Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số kế toán 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính áp dụng và Thông tư số 244/2009/TT – BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam.

➤ *Phương pháp kế toán áp dụng tại công ty*

- Phương pháp hạch toán ngoại tệ: theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ đó.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

- Phương pháp hạch toán tài sản cố định:

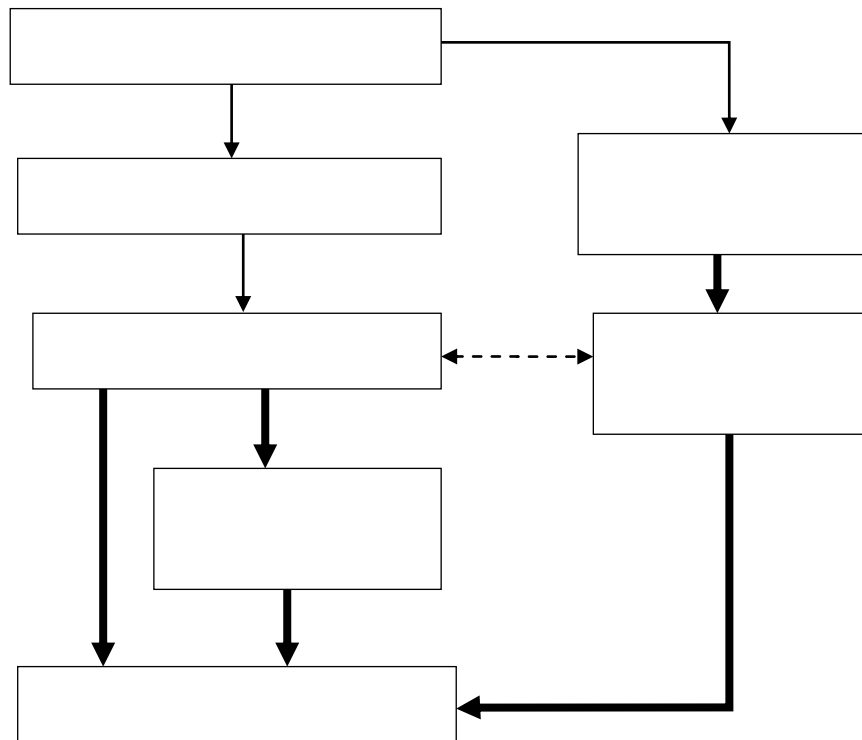
+ Nguyên tắc đánh giá TSCĐ: theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

+ Khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp hạch toán chi phí trả trước: theo phương pháp đường thẳng.

Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hệ thống sổ sách theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG*****Ghi chú:***

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →
- Đối chiếu kiểm tra ←- - - - ->

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

(1) Hàng ngày:

Theo hình thức này, hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra và dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo tài khoản kế toán phù hợp đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm:

Cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu đúng khớp, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

2.3. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5

❖ Chứng từ, sổ sách sử dụng

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của kế toán và phản ánh chính xác, kịp thời quá trình tiêu thụ sản phẩm, kế toán thường sử dụng các loại chứng từ và sổ sách sau:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Phiếu kế toán
- Chứng từ thanh toán: Phiếu chi, Ủy nhiệm chi, Giấy báo có của Ngân hàng,...
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua, Bảng tổng hợp thanh toán với người mua,....

❖ Tài khoản sử dụng:

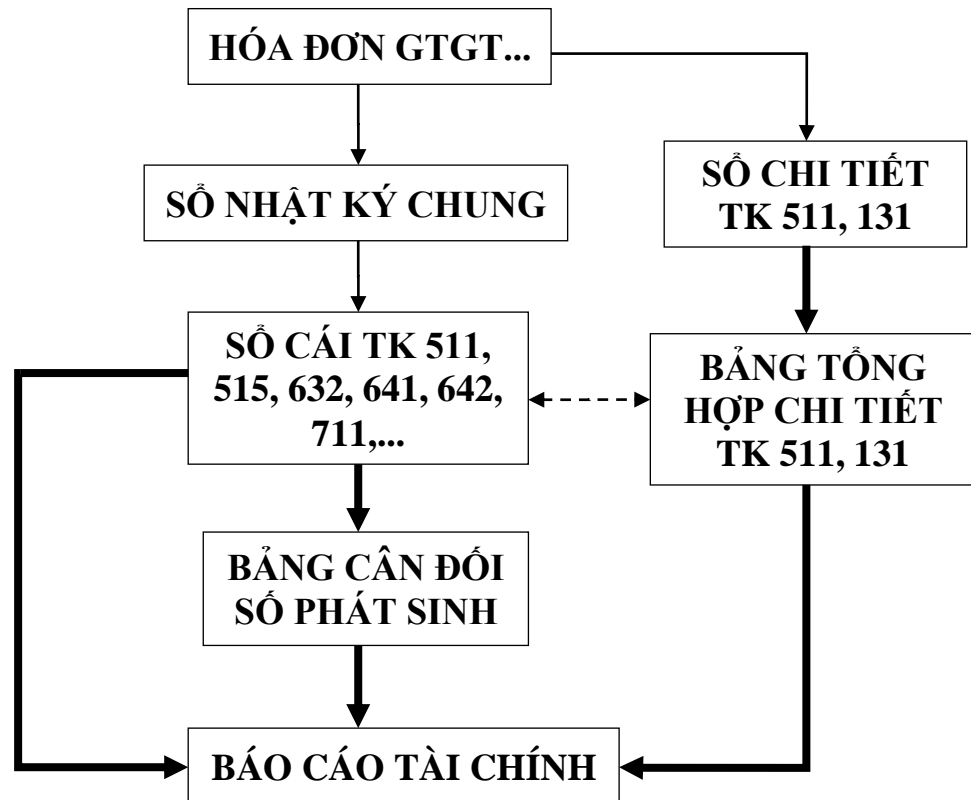
Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty mang tính độc lập. Phần lớn tài khoản công ty sử dụng có nội dung phản ánh đúng chế độ.

Tài khoản mà công ty sử dụng trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là:

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 635 – Chi phí tài chính
- TK 641 – Chi phí bán hàng
- TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác
- TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

❖ Trình tự hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng —————→
- Đối chiếu kiểm tra ←-----→

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán vào Sổ Nhật ký chung, sau đó vào Sổ Cái và Sổ Chi tiết các TK 511, 131, ... Cuối tháng hoặc cuối kỳ kế toán tổng hợp số liệu để lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó, căn cứ vào Sổ Cái và Bảng cân đối số phát sinh, kế toán lập Báo cáo tài chính.

2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VD: Ngày 12/10/2014, Công ty ký **Hợp đồng chế tạo dự án** (Biểu số 2.1) với Công ty TNHH Megatech Việt Nam về việc chế tạo KCT nhà điều hòa khí, giá trị công trình là 682.526.320 đồng, thuế suất thuế VAT 10%. Kế toán lập **Hóa đơn GTGT số 0000060** (Biểu số 2.2). Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000060, kế toán ghi **Sổ Nhật ký chung** (Biểu số 2.3). Sau đó, kế toán vào **Sổ Cái 511** (Biểu số 2.4), đồng thời ghi **Sổ chi tiết bán hàng** (Biểu số 2.5).

Biểu 2.1: Mẫu hợp đồng kinh tếTỔNG CÔNG TY LILAMA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- o0o -----

----- *** -----

**HỢP ĐỒNG CHẾ TẠO CHO DỰ ÁN
BTMV CEMENT HOUSE****Số hợp đồng: 01/MGT – LSC5**

Ngày: 12/10/2014

**Giữa Công ty TNHH Megatech Việt Nam
và Công ty Cổ phần Lisemco 5**

- Căn cứ vào yêu cầu của MEGATECH về việc chế tạo kết cấu thép cho dự án BTMV nhà điều hòa khí.
- Căn cứ vào khả năng đáp ứng của Công ty Cổ phần Lisemco 5 về việc thực hiện các công việc tại nhà xưởng tuân thủ theo các điều khoản và điều kiện có trong bản hợp đồng này.

Các bên cùng đồng ý những điều khoản sau:

4. Giá cả hợp đồng**4.1. Giá cả**

Mô tả	Thành tiền (VNĐ) không bao gồm VAT
Hệ thống sàn thao tác cho BTMV Cement House	682,526,320.00
Tổng giá trị	682,526,320.00

4.2. Đơn giá trong hợp đồng cố định **682,526,320.00** (Sáu trăm tám mươi hai triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi đồng) và xác nhận theo bảng trên, có giá trị đến khi thực hiện xong hợp đồng này.

4.3. Lisemco 5 đồng ý tuân thủ những thay đổi, điều kiện, điều chỉnh sai sót trong bản vẽ. Nếu những điều chỉnh này trước khi sản xuất, Lisemco 5 sẽ thực hiện công việc với giá hợp đồng có sự điều chỉnh một cách hợp lý.

5. Điều kiện thanh toán

Đơn giá của hợp đồng này được thanh toán cho Lisemco 5 trả bằng tiền Việt Nam và chuyển vào tài khoản của Lisemco 5 theo các điều khoản thanh toán dưới đây:

5.1. Ba mươi phần trăm (30%) ngay sau khi ký hợp đồng và nhận được hóa đơn của Lisemco 5.

5.2. Năm mươi phần trăm (50%) thanh toán trước khi giao hàng. Việc thanh toán được thực hiện trong vòng 7 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn của Lisemco 5.

5.3. Hai mươi phần trăm (20%) sẽ được thanh toán trong vòng tối đa 14 ngày.

.....
Hai bên thống nhất các nội dung trên và thống nhất ký vào hợp đồng. Hợp đồng này được lập thành 02 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(CÔNG TY TNHH MEGATECH VN)

Chức vụ
(ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5)

Chức vụ
(ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.2: Mẫu hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Hạch toán nội bộ) Ngày 24 tháng 11 năm 2014						Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 0000060
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5 Địa chỉ: Km 5+200 Quốc lộ 5, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng Điện thoại: 031.3850 500 Fax: 031.3522 556 Mã số thuế: 0201040073 Số tài khoản: Tại:						
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Megatech Việt Nam Địa chỉ: P501A, Tầng 5, tòa nhà TD Business Center-Plaza, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, Hải Phòng Hình thức thanh toán: MST: 0201285203 Số tài khoản:						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4x5	
	Chế tạo kết cấu thép nhà điều hòa khí theo HDKT số 01/MGT – LSC5 ngày 12/10/2014					
	/					
<i>Cộng tiền hàng:</i> 682.526.320						
<i>Thuế suất GTGT: 10%</i>					<i>Tiền thuế GTGT: 68.252.632</i>	
<i>Tổng cộng tiền thanh toán: 750.778.952</i>						
<i>Tổng tiền viết bằng chữ:</i> Bảy trăm năm mươi triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng.						
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.3: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng**Mẫu số S03a – DN**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
24/11	HĐ 0000060	24/11	Chế tạo KCT nhà ĐHK theo HĐKT 01/MGT-LSC5	131 511 3331	750.778.952	682.526.320 68.252.632
24/11	PC 11/034	24/11	TT tiền điện thoại T10/2014 của TGD	642 133 111	610.670 61.067	671.737
25/11	BCDT 1101	25/11	Lãi tiền gửi T11/2014	1121 DT 515	176.441	176.441
26/11	PC 11/038	26/11	Chi tiền tạm ứng cho NV đi công tác	141 111	1.500.000	1.500.000
					
25/12	BNAB 1242	25/12	Thu tiền lãi vay theo KU-FMS2-001	635 1121 AB	16.228.035	16.228.035
26/12	PX 12/048	26/12	Xuất kho que hàn phục vụ công trình FOMORSA 2	621 152	12.987.200	12.987.200
26/12	HĐ 0000084	26/12	Chế tạo KCT DA Tyazhmash 158-5 cho Cty Lisemco	131 511 3331	3.691.060.868	3.355.509.880 335.550.988
					
			Cộng		906.896.377.112	906.896.377.112

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.4: Trích Sổ Cái TK 511 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Biểu 2.4**

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
24/11	HĐ0000060	24/11	Chế tạo KCT nhà ĐHK theo HĐKT 01/MGT-LSC5	131		682.526.320
26/11	HĐ0000064	26/11	Gia công chế tạo KCT DA CMI cho Megatech	131		14.450.619.532
					
15/12	HĐ0000074	15/12	Cung cấp, LD dầm cầu trục-NM thép Việt Nhật	131		7.648.247.823
15/12	HĐ0000080	15/12	Bán thép tấm 15 mm cho Cty Lisemco	131		576.015.372
					
31/12	PKT36/T12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	105.161.158.006	
			Cộng số phát sinh		105.161.158.006	105.161.158.006
			Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.5: Trích Sổ Chi tiết bán hàng năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S35 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: CT Nhà điều hòa khí MGT01

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			GTGT đầu ra
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế
24/11	HĐ 0000060	24/11	Chế tạo KCT Nhà điều hòa khí	1311	1	682.526.320	682.526.320	68.252.632
			Cộng số phát sinh				682.526.320	68.252.632

Ngày ...tháng ...năm ...

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.6: Trích Bảng tổng hợp doanh thu bán các thành phẩm năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN CÁC THÀNH PHẨM**

Năm 2014

TT	Tên công trình, sản phẩm	Số tiền	Các khoản giảm trừ			
			521	531	532
1	Chế tạo KCT DA Barth (TPE)	2.177.168.520				
2	Chế tạo thiết bị cho Dự án NM điện Barth 3x660MW	6.823.115.385				
3	Chế tạo KCT cho DA Núi Pháo Bismuth	2.373.492.600				
4	Cắt Plastma thép trắng DA Mông Dương I	53.412.954				
5	Pha cắt tôn tấm DA Densit	117.798.200				
6	Gia công KCT (gói 6) cho DA Formosa Hot Rolli	12.837.582.572				
7	NHH Hạ Long 16	1.517.628.207				
8	Gia công NHH tàu Hòa Bình 54	2.299.103.827				
9	Chế tạo KCT nhà điều hòa khí MGT01	682.526.320				
10	Chế tạo hộp gia nhiệt cho BTMV	160.445.660				
11	Gia công chế tạo KCT DA CMI	14.450.619.532				
12	Cung cấp, LD dầm cầu trục-NM thép Việt Nhật	7.648.247.823				
13	Chế tạo hệ thống ống nước và ống khí	81.087.500				
14	Chế tạo KCT cho DA Tyazhmash (TZM) 158-5	3.355.509.880				
					
	Cộng	93.163.169.185				

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.7: Trích Sổ Chi tiết TK 131 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S31 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH Megatech

Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				4.387.229.171	
			Số phát sinh trong kỳ					
							
24/11	HD 0000060	24/11	Chế tạo KCT nhà điều hòa khí cho Cty TNHH Megatech VN	511 3331	682.526.320 68.252.632		7.045.668.140 7.113.920.772	
26/11	HD 0000064	26/11	Chế tạo KCT DA CMI cho Cty TNHH Megatech VN	511 3331	14.450.619.532 1.445.061.953		21.564.540.304 23.009.602.257	
							
			Cộng số phát sinh		20.861.504.222	22.363.370.138		
			Số dư cuối kỳ				2.885.363.255	

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.8: Trích Bảng tổng hợp TK 131 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA****Tài khoản: 131**

Năm 2014

STT	Tên khách hàng	Số đầu kỳ		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Megatech VN	4.387.229.171		20.861.504.222	22.363.370.138	2.885.363.255	
2	Công ty Cổ phần Lisemco	10.057.412.884		33.991.440.015	25.363.370.138	18.685.482.761	
.....						
	Cộng	23.629.914.219		111.131.985.203	94.950.539.771	39.811.359.651	

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

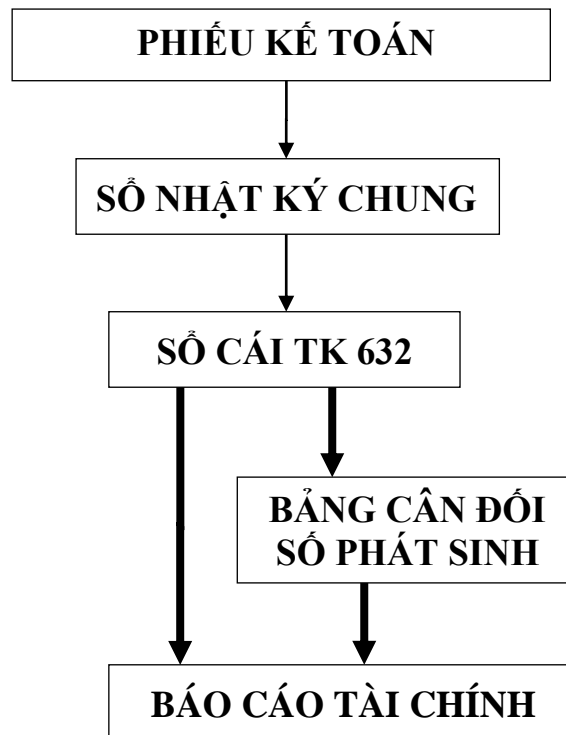
2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Do đặc thù và tính chất sản xuất nên công ty đã áp dụng phương pháp bình quân gia quyền theo tháng để tính giá thực tế của thành phẩm xuất kho. Bên cạnh đó, việc tính giá thành phẩm của công ty được thực hiện theo từng đơn hàng.

Khi xuất bán thành phẩm thì kế toán không lập phiếu xuất kho mà căn cứ vào bảng tính giá thành sản phẩm đó để tiến hành ghi sổ Nhật ký chung, Sổ Cái TK 632 và Sổ chi tiết TK 632.

VD: Căn cứ vào **Phiếu kế toán số PKT15/T12** (Biểu số 2.10), kế toán tiến hành ghi **Sổ Nhật ký chung** (Biểu số 2.11). Sau đó, kế toán vào **Sổ Cái TK 632** (Biểu số 2.12).

Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng →

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.9: Thẻ tính giá thành sản phẩm**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

Tên sản phẩm: Kết cấu thép MGT01

Tháng 11 năm 2014

Khoản mục chi phí	Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	Tổng giá thành
621	85.334.096	480.226.938	-	480.226.938
622	-	58.457.375	-	58.457.375
627	-	111.803.944	-	111.803.944
Tổng	85.334.096	650.488.257	-	650.488.257

*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)***Biểu 2.10: Phiếu kế toán****CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN**

Số hiệu : PKT15/T11

Ngày 22 tháng 11 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang sang giá vốn công trình	6322	154	650.488.257
	Cộng			650.488.257

Kế toán trưởng

Người lập phiếu

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.11: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
22/11	PN 11/042	22/11	Nhập kho máy cắt, chưa thanh toán	153 133 331	7.588.330 758.833	8.347.163
22/11	PKT15/ T11	22/11	Giá vốn sản phẩm KCT MGT01	6322 154	650.488.257	650.488.257
23/11	PX 11/030	23/11	Xuất VTP-KCT ĐA Núi Pháo	627 152	1.500.000	1.500.000
					
24/12	PKT20/ T12	24/12	Giá vốn KCT ĐA TZM 158-5	6322 154	3.306.931.363	3.306.931.363
24/12	BCAB 1208	24/12	Giải ngân khế ước dự án FORMOSA số 2	1121 AB 311	1.327.246.600	1.327.246.600
24/12	PT 12/028	24/12	Rút tiền NH An Bình về nhập quỹ	111 1121 AB	269.000.000	269.000.000
					
			Cộng		906.896.377.112	906.896.377.112

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)*(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Biểu 2.12: Trích Sổ Cái TK 632 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TK 632 – Giá vốn hàng bán
Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
12/12	PKT07/T12	12/12	Giá vốn CT KCT (gói 6) cho DA Formosa Hot Rolli	154	12.066.897.952	
15/12	PX12/025	15/12	Giá vốn thép tấm 15 mm	152	576.015.372	
15/12	PKT10/T12	15/12	Giá vốn Gia công CT NHH tàu Hạ Long 16	154	963.370.311	
19/12	PKT12/T12	19/12	Giá vốn Gia công CT NHH tàu Hòa Bình 54	154	3.000.754.938	
24/12	PKT15/T12	24/12	Giá vốn CT nhà điều hòa khí MGT01	154	650.488.257	
					
31/12	PKT38/T12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		92.353.525.633
			Cộng số phát sinh		92.353.525.633	92.353.525.633
			Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

2.3.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

- Kế toán chi phí bán hàng: Do đặc điểm là bán hàng theo đơn đặt hàng nên chi phí bán hàng của công ty chỉ là các chi phí bằng tiền phát sinh trong quá trình cho xe đi giao hàng. Chi phí này được phản ánh trên TK 641.

- Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý của công ty chủ yếu là: tiền lương phải trả cho cán bộ quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho công tác quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...),...được phản ánh trên TK 642.

VD1: Ngày 12/12/2014, Công ty thanh toán tiền tiếp khách cho Vũ Văn Thái, số tiền là 800.000 đồng (chưa bao gồm VAT 10%). Căn cứ vào **Hóa đơn GTGT số 0003381**(Biểu số 2.14) và Giấy đề nghị thanh toán, kế toán lập **Phiếu chi số PC12/020** và (Biểu số 2.13).

VD2: Ngày 26/12/2014, Công ty thanh toán tiền xăng xe đi giao hàng cho Dương Công Hiến, số tiền là 200.000 đồng (chưa bao gồm VAT 10%). Căn cứ vào **Hóa đơn GTGT số 0003869** (Biểu số 2.15) và Giấy đề nghị thanh toán, kế toán lập **Phiếu chi số PC 12/031** và (Biểu số 2.16).

Biểu 2.13: Mẫu Phiếu chi**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng
MST 0201040073
Tel 84-0313-850 500

Mẫu số 1 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày: 12/12/2014

Người nhận tiền: Vũ Văn Thái
Địa chỉ: P. TCHC
Lý do: TT tiền tiếp khách của cán bộ quản lý
Số tiền: **880.000 VNĐ**
Bằng chữ: **Tám trăm tám mươi nghìn đồng chẵn**
Kèm theo:chứng từ gốc
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Ngày: 12/12/2014

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.14: Mẫu Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Hạch toán nội bộ) Ngày 12 tháng 12 năm 2014						Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 0003381
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÓA DẦU QUÂN ĐỘI – LÊ CHÂN Địa chỉ: Km 5 cũ, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng Điện thoại: _____ Fax: _____ Mã số thuế: _____						
Họ tên người mua hàng: _____ Tên đơn vị mua hàng: Công ty Cổ phần Lisemco 5 Địa chỉ: KM 5+200, Quốc lộ 5, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 0201040073 Số tài khoản:						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4x5	
	Tiếp khách				800.000	
<i>Cộng tiền hàng:</i> 800.000						
<i>Thuế suất GTGT:</i> 10% <i>Tiền thuế GTGT:</i> 80.000						
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i> 880.000 đồng <i>Tổng tiền viết bằng chữ:</i> Tám trăm tám mươi ngàn đồng.						
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.15: Mẫu Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Liên 3: Hạch toán nội bộ) Ngày 26 tháng 12 năm 2014						Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/14P Số: 0003869
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu, Hồng Bàng, Hải Phòng Điện thoại: (031) 385-0632 Fax: (031) 385-0333 Mã số thuế:						
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị mua hàng: Công ty Cổ phần Lisemco 5 Địa chỉ: KM 5+200, Quốc lộ 5, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: 0201040073 Số tài khoản:						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4x5	
	Thanh toán tiền xăng xe				200.000	
<i>Cộng tiền hàng:</i>					200.000	
<i>Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:</i>					20.000	
<i>Tổng cộng tiền thanh toán:</i>					220.000 đồng	
<i>Tổng tiền viết bằng chữ:</i>					Tám trăm tám mươi ngàn đồng.	
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.16: Mẫu Phiếu chi**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng
MST 0201040073
Tel 84-0313-850 500

Mẫu số 1 - TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày: 26/12/2014

Người nhận tiền: Dương Công Hiến
Địa chỉ: P. Kinh doanh
Lý do: TT tiền xăng xe đi giao hàng
Số tiền: **220.000 VNĐ**
Bằng chữ: **Hai trăm hai mươi nghìn đồng chẵn**

Kèm theo:chứng từ gốc
Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):
.....

Ngày: 26/12/2014

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.17: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng

Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
12/12	PC 12/020	12/12	Thanh toán tiền tiếp khách bằng tiền mặt	642 133 111	800.000 80.000	880.000
12/12	PN 12/025	12/12	Nhập kho máy mài chưa thanh toán	153 133 331	5.060.000 506.000	5.566.000
12/12	PT 12/013	12/12	Thu tiền hoàn tạm ứng NV	111 141	1.000.000	1.000.000
13/12	KHNT 1201	13/12	Tắt toán khế ước 1603LDS2014- 00265	113 311	133.046.250	133.046.250
					
25/12	BCAB 1210	25/12	Nhập tiền lãi gửi TK NH An Bình	1121 AB 515	219.921	219.921
25/12	PX 12/045	25/12	Xuất VTP – CT DA FOMORSA 2	627 152	399.455.446	399.455.446
26/12	PC 12/031	26/12	Thanh toán tiền xăng xe đi giao hàng bằng TM	641 133 111	200.000 20.000	220.000
					
			Cộng		906.896.377.112	906.896.377.112

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.18: Trích Sổ Cái TK 641 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TK 641 – Chi phí bán hàng
Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
01/12	BPBKHT12	01/12	Khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng	214	1.625.000	
09/12	PC12/011	09/12	Thanh toán tiền xăng xe đi giao hàng bằng TM	111	200.000	
26/12	PC12/031	26/12	Thanh toán tiền xăng xe đi giao hàng bằng TM	111	200.000	
27/12	PC12/034	27/12	Chi tiền bốc dỡ chuyên hàng tại cảng	111	1.025.000	
					
31/12	PKT40/T12	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911		237.772.656
			Cộng số phát sinh		237.772.656	237.772.656
			Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.19: Trích Sổ Cái TK 642 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
01/12	BPBKHT12	01/12	Khấu hao TSCĐ bộ phận quản lý	214	2.085.300	
12/12	PC12/020	12/12	Thanh toán tiền tiếp khách bằng tiền mặt	111	800.000	
14/12	PC12/023	14/12	TT chi phí công tác cho NV Phà Rừng	111	400.000	
22/12	BPBLT11	22/12	Tiền lương phải trả cho phòng TCKT	334	42.566.449	
22/12	BNSH1210	22/12	Phí thanh toán tiền sửa máy in	1121AB	22.000	
					
31/12	PKT40/T12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		5.094.762.971
			Cộng số phát sinh		5.094.762.971	5.094.762.971
			Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Về hoạt động tài chính, Công ty không có hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng và Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay và cho vay vốn; các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các NVPS liên quan đến tiền tệ. Con số này chiếm tỷ trọng không lớn trong doanh thu hàng năm của công ty.

VD1: Ngày 23/12/2014, Công ty trả lãi khế ước vay SHB tháng 12/2014, số tiền là 10.333.323 đồng. Căn cứ vào **Giấy báo nợ** của NH Sài Gòn Thương Tín (Biểu số 2.20) , kế toán vào **Sổ Nhật ký chung**(Biểu số 2.22) và **Sổ Cái TK 635** (Biểu số 2.24).


VD2: Ngày 25/12/2014, Công ty nhận thông báo lãi trên số dư tiền gửi tài khoản ABBANK tháng 12/2014, số tiền là 282.965 đồng. Căn cứ vào **Giấy báo có** của NH Thương mại Cổ phần An Bình (Biểu số 2.21), kế toán vào **Sổ Nhật ký chung** và **Sổ Cái TK 515** (Biểu số 2.23).

Biểu 2.20: Mẫu Giấy báo Nợ

Số phiếu: BNSH1203			
<div style="border: 1px solid black; display: inline-block; padding: 5px 20px;">10.333.323 VND</div>			
Tài khoản	Tài khoản	Số tiền	Diễn giải
635	1121SH	10.333.323	SHB thu lãi T12/2014
Kế toán thanh toán			

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.21: Mẫu Giấy báo Có

	
Mã khách hàng (Customer ID): 10391931 Mã số thuế (Tax code): 0201040073	
Tài khoản (Account): 0751007506886 Tiền tệ (Currency): VND Tỷ giá (Rate):	
KẾ TOÁN	KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.22: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
23/12	BNSH1203	23/12	SHB thu lãi tháng 12/2014	635 1121SH	10.333.323	10.333.323
24/12	PC12/035	24/12	Thanh toán tiền mua VTP bằng tiền mặt	627 133 111	1.335.000 133.500	1.468.500
25/12	BCAB1210	25/12	Lãi trên số dư tiền gửi tài khoản ABBANK tháng 12/2014	1121AB 515	282.965	282.965
25/12	BNAB1242	25/12	Thu tiền lãi theo KU-FMS 2-001	635 1121AB	16.228.035	16.228.035
26/12	HĐ 0000084	26/12	Chế tạo KCT DA Tyazhmash 158-5 cho Cty Lisemco	131 511 3331	3.691.060.868	3.355.509.880 335.550.988
26/12	PX12/048	26/12	Xuất kho que hàn phục vụ CT FOMORSA 2	621 152	12.937.200	12.937.200
					
			Cộng		906.896.377.112	906.896.377.112

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.23: Trích Sổ Cái TK 515 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
25/11	BCSH1102	25/11	Nhập lãi tiền gửi vào TK T10/2014	1121SH		176.441
29/11	BCVP1103	29/11	Thu lãi tiền gửi T11/2014	1121VP		31.455
29/11	BCSH1103	29/11	Nhập lãi tiền gửi T11/2014	1124SH		124.233
25/12	BCAB1210	25/12	Lãi trên số dư tiền gửi tài khoản ABBANK tháng 12/2014	1121AB		282.965
25/12	BCNA1201	25/12	Lãi trên số dư tiền gửi giao dịch USD tại ABBANK – CN Hải Phòng	1121AB		71.895
					
31/12	PKT37/T12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	23.300.978	
			Cộng số phát sinh		23.300.978	23.300.978
			Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.24: Trích Sổ Cái TK 635 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TK 635 – Chi phí tài chính
Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
23/12	BNAB1203	23/12	SHB thu lãi tháng 12/2014	1121AB	10.333.323	
25/12	BNAB1241	25/12	Thu tiền lãi theo KU-FMS 2-010	1121AB	13.787.935	
25/12	BNAB1241	25/12	Thu tiền lãi theo KU-FMS 2-013	1121AB	12.028.966	
25/12	BNAB1241	25/12	Thu tiền lãi theo KU-FMS 2-014	1121AB	5.360.295	
25/12	BNAB1242	25/12	Thu tiền lãi gửi theo KU-FMS 2-001	1122AB	16.228.035	
					
31/12	PKT39-T12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		6.676.032.144
			Cộng số phát sinh		6.676.032.144	6.676.032.144
			Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

2.3.5. Kế toán Thu nhập khác và Chi phí khác

VD: Ngày 05/12/2014, Công ty nhượng bán chiếc ô tô tải.

Căn cứ vào **Biên bản thanh lý TSCĐ** (Biểu số 2.25), **Phiếu kế toán** (Biểu số 2.26) và Giấy báo có (Biểu 2.27), kế toán vào **Sổ Nhật ký chung** (Biểu số 2.28), **Sổ Cái TK 711** (Biểu số 2.29) và **Sổ Cái TK 811** (Biểu số 2.30).

Biểu 2.25: Mẫu Biên bản thanh lý TCSĐ**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****Mẫu số 02 – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN THANH LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Căn cứ Quyết định số: 32 ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Tổng giám đốc
Về việc thanh lý tài sản cố định

I – Ban thanh lý TSCĐ bao gồm:

Ông: Bùi Mạnh Hùng – Trưởng ban

Ông: Nguyễn Trường Giang - Ủy viên

Bà : Nguyễn Thị Thu - Ủy viên

II – Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên TSCĐ: Ô tô tải
- Số hiệu TSCĐ: 15030011006
- Nước sản xuất: Việt Nam
- Năm đưa vào sử dụng: 2011
- Nguyên giá TCSĐ: 588.966.250
- Giá trị hao mòn đã trích đến thời điểm thanh lý: 480.118.321
- Giá trị còn lại của TCSĐ: 108.847.929

Số thẻ TCSĐ: 37

III – Kết luận của ban thanh lý

TSCĐ vẫn sử dụng được

Ngày 05 tháng 12 năm 2014

Trưởng ban thanh lý*(Ký, họ tên)***IV – Kết quả thanh lý TSCĐ**

- Chi phí thanh lý TSCĐ: không(viết bằng chữ).....
- Giá trị thu hồi: 165.000.000 (viết bằng chữ) Một trăm sáu mươi năm triệu đồng (chưa có VAT 10%)
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ ngày 02 tháng 12 năm 2014

Giám đốc*(Ký, họ tên, đóng dấu)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)**(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Biểu 2.26: Mẫu Phiếu kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số hiệu: PKT20/T12				
Ngày 05 tháng 12 năm 2014				
STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Giá trị còn lại của ô tô	811	211	480.118.321
2	Giá trị hao mòn của ô tô	214	211	108.847.929
	Tổng			588.966.250
Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>			Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.27: Mẫu Giấy báo có

Số phiếu: BCSH1202			
<div style="border: 1px solid black; width: 200px; height: 30px; margin: 0 auto;"></div>			
TK nợ	TK có	Số tiền	Diễn giải
1121SH	3331	16.500.000	Thu tiền từ nhượng bán chiếc ô tô tải
1121SH	711	165.000.000	
Kế toán thanh toán			

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.28: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng

Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
24/11	PC 11/034	24/11	TT tiền điện thoại T10/2014 của TGD	642 133 111	610.670 61.067	671.737
25/11	PKT22/ T11	25/11	Bán nước sản xuất cho Cty Lisemco	138 711 3331	12.916.800	12.378.600 538.200
25/11	PC 11/036	25/11	Thanh toán CP nhân công thuê ngoài	334 111	45.655.000	45.655.000
25/11	BNAB 1150	25/11	Trả lãi vay theo KU-FMS2-002	635 112 AB	14.247.533	14.247.533
					
05/12	BCSH 1202	05/12	Thu từ thanh lý ô tô tải	1121 711 3331	181.500.000	165.000.000 16.500.000
05/12	PKT20/ T12	05/12	Nhượng bán ô tô tải	811 214 211	480.118.321 108.847.929	588.966.250
					
			Cộng		906.896.377.112	906.896.377.112

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.29: Trích Sổ Cái TK 711 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TK 711 – Thu nhập khác
Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
27/11	HĐ0000068	27/11	Bán nước sản xuất cho Cty Lisemco	138		6.012.000
30/11	HĐ0000069	30/11	Bán nước sản xuất cho Cty Lisemco	138		9.744.000
05/12	BCSH1202	05/12	Thu từ thanh lý ô tô tải	1121		165.000.000
15/12	HĐ0000078	15/12	Bán nước sản xuất cho Cty Lisemco	138		12.378.600
20/12	HĐ0000081	20/12	Bán khí công nghiệp cho Cty Lisemco	138		64.459.604
					
31/12	PKT41/T12	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	408.560.693	
			Cộng số phát sinh		408.560.693	408.560.693
			Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.30: Trích Sổ Cái TK 811 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TK 811 – Chi phí khác
Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
					
05/12	PKT20/T12	05/12	Nhượng bán ô tô tải	211	480.118.321	
24/12	PC12/028	24/12	Truy nộp thuế	333	115.000	
28/12	PC12/040	28/12	Chi phí thanh lý máy tính	111	950.000	
					
31/12	PKT42/T12	31/12	Kết chuyển chi phí khác	911		246.288.513
			Cộng số phát sinh		246.288.513	246.288.513
			Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

2.3.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Cuối tháng 12, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

Dựa vào các kết quả tính toán được, kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển doanh thu và chi phí để làm căn cứ ghi sổ.

Căn cứ vào các **Phiếu kế toán** (từ Biểu số 2.31 đến Biểu số 2.40), kế toán vào **Sổ Nhật ký chung** (Biểu số 2.41), sau đó vào **Sổ Cái TK 911** (Biểu số 2.42), **Sổ Cái TK 821** (Biểu số 2.43) và **Sổ Cái TK 421** (Biểu số 2.44).

Biểu 2.31: Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN****Số hiệu: PKT36/T12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sang TK 911	5111	911	9.564.280.822
		5112	911	95.596.877.184
	Cộng			105.161.158.006

Kế toán trưởng**Người lập phiếu***(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)***Biểu 2.32: Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính****CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN****Số hiệu: PKT37/T12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911	515	911	23.300.978
	Cộng			23.300.978

Kế toán trưởng**Người lập phiếu***(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Biểu 2.33: Kết chuyển giá vốn hàng bán**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN****Số hiệu: PKT38/T12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán sang TK 911	911 911	6321 6322	9.652.870.070 83.000.655.563
	Cộng			92.353.525.633

Kế toán trưởng**Người lập phiếu***(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)***Biểu 2.34: Kết chuyển chi phí tài chính****CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN****Số hiệu: PKT39/T12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911	911	635	6.676.032.144
	Cộng			6.676.032.144

Kế toán trưởng**Người lập phiếu***(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Biểu 2.35: Kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN****Số hiệu: PKT40/T12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí bán hàng sang TK 911	911 911	641 642	237.772.656 5.094.762.971
	Cộng			5.332.535.627

Kế toán trưởng**Người lập phiếu***(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)***Biểu 2.36: Kết chuyển thu nhập khác****CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN****Số hiệu: PKT41/T12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911	711	911	408.560.693
	Cộng			408.560.693

Kế toán trưởng**Người lập phiếu***(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Biểu 2.37: Kết chuyển chi phí khác**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN****Số hiệu: PKT42/T12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí khác sang TK 911	911	811	246.288.513
	Cộng			246.288.513

Kế toán trưởng**Người lập phiếu***(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)***Biểu 2.38: Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp****CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN****Số hiệu: PKT43/T12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	246.159.440
	Cộng			246.159.440

Kế toán trưởng**Người lập phiếu***(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Biểu 2.39: Kết chuyển chi phí thuế TNDN**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN****Số hiệu: PKT44/T12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN sang TK 911	911	821	246.159.440
	Cộng			246.159.440

Kế toán trưởng**Người lập phiếu***(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)***Biểu 2.40: Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối****CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****PHIẾU KẾ TOÁN****Số hiệu: PKT45/T12**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận chưa phân phối sang TK 911	911	421	738.478.320
	Cộng			738.478.320

Kế toán trưởng**Người lập phiếu***(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)*

Biểu 2.41: Trích Sổ Nhật ký chung năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng

Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
					
31/12	PKT36/T12	31/12	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511 911	105.161.158.006	105.161.158.006
31/12	PKT37/T12	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515 911	23.300.978	23.300.978
31/12	PKT38/T12	31/12	K/c giá vốn hàng bán	911 632	92.353.525.633	92.353.525.633
31/12	PKT39/T12	31/12	K/c chi phí tài chính	911 635	6.676.032.144	6.676.032.144
31/12	PKT40/T12	31/12	K/c chi phí bán hàng	911 641	237.772.656	237.772.656
31/12	PKT40/T12	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911 642	5.094.762.971	5.094.762.971
31/12	PKT41/T12	31/12	K/c thu nhập khác	711 911	408.560.693	408.560.693
31/12	PKT42/T12	31/12	K/c chi phí khác	911 811	246.288.513	246.288.513
31/12	PKT43/T12	31/12	Xác định thuế TNDN	821 3334	246.159.440	246.159.440

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số phát sinh	
					Nợ	Có
31/12	PKT44/T12	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911 821	246.159.440	246.159.440
31/12	PKT45/T12	31/12	K/c lợi nhuận chưa phân phối	911 421	738.478.320	738.478.320
			Cộng		906.896.377.112	906.896.377.112

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.42: Trích Sổ cái TK 911 năm 2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT36/T12	31/12	K/c doanh thu bán hàng và ccdv - K/c doanh thu bán hàng hoá - K/c doanh thu bán các thành phẩm	511 5111 5112		105.161.158.006 9.564.280.822 95.596.877.184
31/12	PKT37/T12	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515		23.300.978
31/12	PKT38/T12	31/12	K/c giá vốn hàng bán - K/c giá vốn hàng bán - K/c giá vốn công trình	632 6321 6322	92.353.525.633 9.352.870.070 83.000.655.563	
31/12	PKT39/T12	31/12	K/c chi phí tài chính	635	6.676.032.144	
31/12	PKT40/T12	31/12	K/c chi phí bán hàng	641	237.772.656	
31/12	PKT40/T12	31/12	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	642	5.094.762.971	
31/12	PKT41/T12	31/12	K/c thu nhập khác	711		408.560.693
31/12	PKT42/T12	31/12	K/c chi phí khác	811	246.288.513	
31/12	PKT44/T12	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	246.159.440	
31/12	PKT45/T12	31/12	K/c lợi nhuận chưa phân phối	421	738.478.320	
			Cộng số phát sinh		105.593.019.677	105.593.019.677

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.43: Sổ Cái TK 821 ngày 31/12/2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT43/T12	31/12	Xác định thuế TNDN	3334	246.159.440	
31/12	PKT44/T12	31/12	K/c chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911		246.159.440
			Cộng số phát sinh		246.159.440	246.159.440
			Số dư cuối kỳ			

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

Biểu 2.44: Sổ Cái TK 421 ngày 31/12/2014**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		(2.632.106.011)	
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT46/T12	31/12	K/c lợi nhuận chưa phân phối	911		738.478.320
			Cộng số phát sinh		-	738.478.320
			Số dư cuối kỳ		(1.893.627.691)	

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Nguồn: Phòng Tài chính Kế toán của Công ty Cổ phần Lisemco 5)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5****3.1.1. Những kết quả đạt được**

Qua quá trình hình thành và phát triển của công ty ta thấy Công ty Cổ phần Lisemco 5 là một doanh nghiệp mới thành lập nhưng có tiềm năng phát triển cả về quy mô sản xuất cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh .

Những kết quả mà công ty đã đạt được trong công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh, đó là:

- Về chứng từ và quá trình luân chuyển chứng từ: Hệ thống chứng từ đã được xây dựng phù hợp với đúng biểu mẫu quy định, tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý tạo điều kiện cho việc kê khai thuế, nộp thuế thuận lợi. Các chứng từ như: phiếu thu, phiếu chi,... có chữ ký duyệt của Giám đốc. Sau quá trình luân chuyển, các chứng từ này được bảo quản tại phòng kế toán theo đúng chế độ hiện hành.

- Về sổ sách: Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán "Nhật ký chung" và phương pháp kê khai thường xuyên, các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ thống nhất toàn công ty.

- Về hệ thống tài khoản: Hệ thống tài khoản được vận dụng một cách khoa học, thể hiện ở việc chi tiết các tài khoản cấp 2, cấp 3 theo từng hạng mục rõ ràng, rất thuận lợi cho công ty trong việc tính toán và theo dõi chi tiết.

3.1.2. Những tồn tại cần khắc phục

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp vẫn còn một số hạn chế sau:

- Về bộ máy kế toán: Số lượng nhân viên phòng kế toán còn hạn chế nên mỗi người phải làm nhiều phần việc khác nhau đòi hỏi cán bộ kế toán phải có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm.

- Về hình thức ghi sổ kế toán: Công ty chọn hình thức Nhật ký chung để ghi sổ kế toán là phù hợp với quy mô sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ngày càng lớn của công ty. Tuy nhiên, các nghiệp vụ phát sinh liên qua đến chi tiền mua

nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất, thu tiền bán hàng của khách, số lượng khách hàng thường xuyên mua hàng của công ty khá lớn, nhưng công ty không mở sổ Nhật ký đặc biệt để giảm bớt khối lượng ghi chép vào sổ Nhật ký chung như: Nhật ký thu tiền, Nhật ký chi tiền.

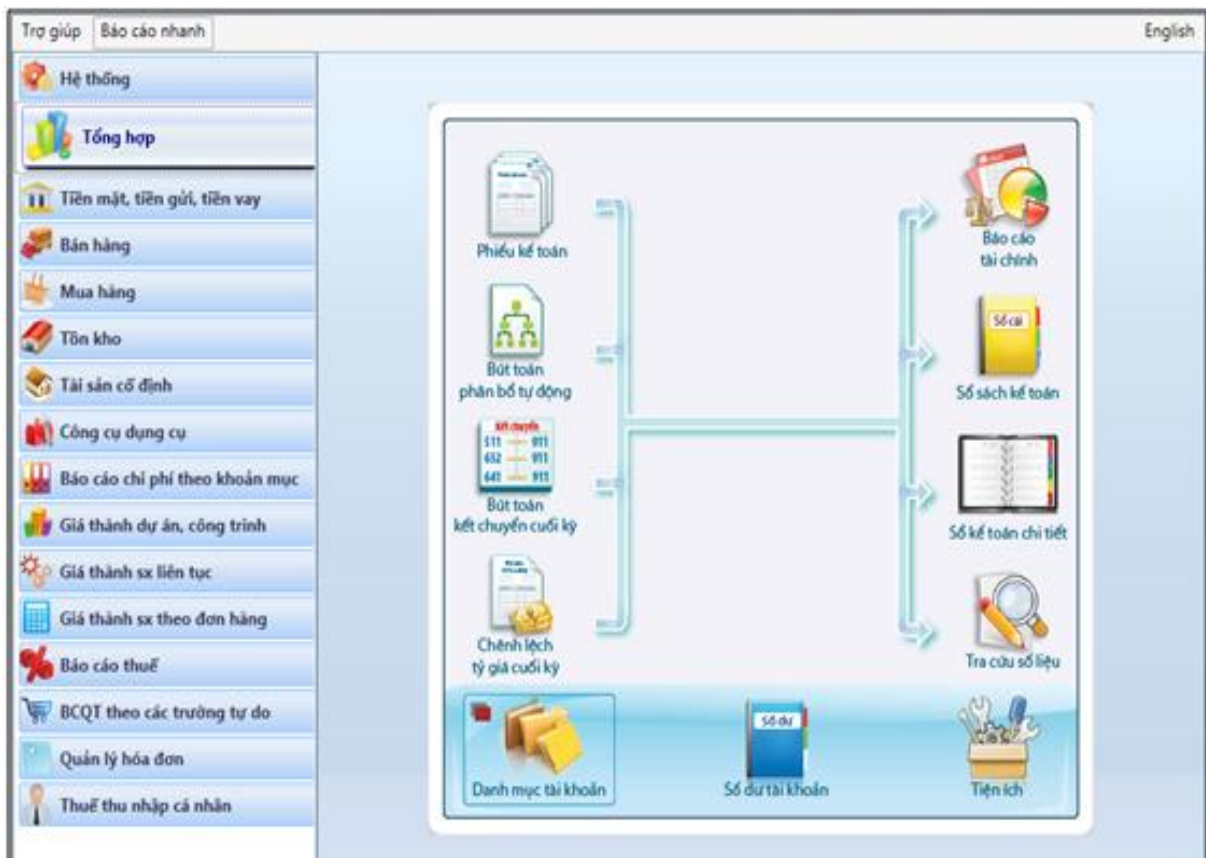
- Về việc thu hồi công nợ: Hiện nay, công ty không tiến hành trích lập dự phòng đối với những khách hàng khó có khả năng thanh toán. Do vậy, khi xảy ra trường hợp khách hàng bị phá sản không có khả năng thanh toán thì công ty không có khoản dự phòng để bù đắp rủi ro.

3.2. Một số biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Lisemco 5

- **Ý kiến 1: Về hình thức kế toán**

Để giảm tải khối lượng công việc và có thể tập hợp chi phí sản xuất nhanh chóng, kịp thời và tính giá thành chính xác thì công ty nên áp dụng phần mềm kế toán thay vì môi trường làm việc thủ công. Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán phù hợp với hoạt động của công ty: Phần mềm kế toán của Bravo, Misa, Fast, Vcom...

Dưới đây là ví dụ giao diện phần mềm kế toán của Fast Accounting:



Biểu 3.1: Báo giá bán mới phần mềm kế toán DN Fast Accounting:

Gói sản phẩm	Đơn giá phần mềm (VNĐ)	ĐVT	Mô tả chi tiết
Gói Dịch vụ	6.000.000	Gói	Phần mềm Kế toán Fast Accounting bao gồm 12 phân hệ: Hệ thống, Kế toán tổng hợp, Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay, Kế toán bán hàng và công nợ phải thu, Kế toán bán hàng và công nợ phải trả, Kế toán TSCĐ, Kế toán CCLĐ, Báo cáo chi phí theo khoản mục, Báo cáo thuế, Báo cáo quản trị các trường tự do, Quản lý đơn, Thuế thu nhập cá nhân.
Gói Thương mại	8.000.000	Gói	Phần mềm Kế toán Fast Accounting gồm 13 phân hệ: Hệ thống, Kế toán tổng hợp, Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay, Kế toán bán hàng và công nợ phải thu, Kế toán bán hàng và công nợ phải trả, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán TSCĐ, Kế toán CCLĐ, Báo cáo chi phí theo khoản mục, Báo cáo thuế, Báo cáo quản trị các trường tự do, Quản lý đơn, Thuế thu nhập cá nhân.
Gói Xây lắp	10.000.000	Gói	Phần mềm Kế toán Fast Accounting gồm 14 phân hệ: Hệ thống, Kế toán tổng hợp, Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay, Kế toán bán hàng và công nợ phải thu, Kế toán bán hàng và công nợ phải trả, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán TSCĐ, Kế toán CCLĐ, Báo cáo chi phí theo khoản mục, Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp, Báo cáo thuế, Báo cáo quản trị các trường tự do, Quản lý đơn, Thuế thu nhập cá nhân.
Gói Sản xuất	12.000.000	Gói	Phần mềm Kế toán Fast Accounting gồm 16 phân hệ: Hệ thống, Kế toán tổng hợp, Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay, Kế toán bán hàng và công nợ phải thu, Kế toán bán hàng và công nợ phải trả, Kế toán hàng tồn kho, Kế toán TSCĐ, Kế toán CCLĐ, Báo cáo chi phí theo khoản mục, Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp, Kế toán giá thành sản xuất liên tục, Kế toán giá thành sản xuất theo đơn hàng, Báo cáo thuế, Báo cáo quản trị các trường tự do, Quản lý đơn, Thuế TNCN.

Thông tin về đơn vị cung cấp phần mềm:

Công ty phần mềm quản lý doanh nghiệp_Văn phòng đại diện tại Hà Nội.

Tầng 11, Tòa nhà Việt Á, đường Duy Tân, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Tel: 04 3771 5590 - Fax: 04 3771 5591.

- **Ý kiến 2: Về việc chuyển chi phí của phòng kinh doanh từ bộ phận quản lý doanh nghiệp sang bộ phận bán hàng.**

Hiện nay, Công ty Cổ phần Lisemco 5 hạch toán toàn bộ chi phí của phòng kinh doanh thuộc bộ phận bán hàng sang bộ phận quản lý doanh nghiệp đã làm cho chi phí quản lý doanh nghiệp quá lớn so với chi phí bán hàng (5.094.762.971 >>>237.772.656). Vì vậy, công ty phải chuyển toàn bộ chi phí phát sinh của phòng kinh doanh mà công ty đã hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp sang chi phí bán hàng để cân đối giữa số phát sinh của hai loại chi này đồng thời phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp.

- **Ý kiến 3: Thêm sổ kế toán**

Công ty nên mở thêm Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 2.1) theo (Mẫu số S36 – DN) ban hành theo QĐ số 15/2006 – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC như:

- Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632 – "Giá vốn hàng bán" cho từng loại sản phẩm để theo dõi giá vốn của từng loại sản phẩm, từng hạng mục công trình.

- Sổ chi phí sản xuất mở cho TK 641 – "Chi phí bán hàng" và TK 642 – "Chi phí quản lý doanh nghiệp" để thuận tiện cho việc theo dõi các yếu tố chi phí. Từ đó giúp nhà quản lý đưa ra các biện pháp cắt giảm chi phí sao cho hiệu quả và hợp lý nhất, góp phần tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Biểu 3.2: Mẫu Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S36 – DN(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 335, 632)

Tài khoản:

Tên phân xưởng:

Tên sản phẩm, dịch vụ:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ TK						
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
					

Ngày ...tháng ...năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)

Biểu 3.3: Sổ chi phí kinh doanh dùng cho TK 632**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S36 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**Tài khoản: 6322****Tên sản phẩm, công trình: Nhà điều hòa khí MGT01****Năm 2014**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Giá vốn		
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
						
24/11	PKT15/T11	24/11	Chế tạo Nhà điều hòa khí MGT01	154	1	650.488.257	650.488.257
						
			Cộng				

Ngày ...tháng ...năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.4: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh dùng cho TK 641**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S36 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**Tài khoản: 641**

Năm 2014

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ TK 641		
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra	
						6414	6418
						
25/12	BPBKHT12	25/12	Khấu hao TCSD tháng 12	2141	1.625.000	1.625.000	
26/12	PC12/031	26/12	TT tiền xăng xe giao hàng	1111	200.000		200.000
27/12	PC12/034	27/12	Chi tiền bốc dỡ hàng tại cảng	1111	1.025.000		1.025.000
						
			Cộng		237.772.656	147.572.656	90.200.000

Ngày ...tháng ...năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 3.5: Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh dùng cho TK 642**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5**

Địa chỉ: Km5+200, quốc lộ 5, Hùng
Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S36 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642

Năm 2014

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 642							
	SH	NT			Tổng số tiền	Chia ra						
						6421	6422	6423	6424	6425	6427	6428
											
22/ 12	BPBL T12	22/ 12	Tiền lương phải trả cho PKD	3341	42.566.449	42.566.449						
22/ 12	BNSH 1210	22/ 12	Phí thanh toán tiền sử máy in	1121 AB	22.000					22.000		
25/ 12	BPBKH T12	25/ 12	KH TSCĐ bộ phận QL	2141	2.085.300				2.085.300			
31/ 12	PC 12/050	31/ 12	TT tiền nước T5	1111	1.000.000							1.000.000
											
			Cộng		5.094.762.971	3.542.834.964	39.938.000	57.913.591	122.720.646	112.163.386	434.420.052	1.002.730.600

Ngày ...tháng ...năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

- **Ý kiến 3: Về việc thu hồi nợ**

Hiện nay tình hình tài chính của doanh nghiệp cho thấy rằng khoản nợ phải thu của doanh nghiệp tính đến thời điểm 31/12/2014 là trên 39.815.500.000 đồng, một con số rất lớn. Điều này làm ảnh hưởng đến tình hình vòng quay vốn của doanh nghiệp.

Đối với các khoản nợ khó đòi, công ty cần trích lập dự phòng. Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết,.. thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty cần lập Bảng đối chiếu công nợ để làm căn cứ cho việc áp dụng các mức trích lập dự phòng đối khách hàng.

Theo Quyết định 15/2006/QĐ – BTC, tài khoản sử dụng cho việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi là Tài khoản 139 – Dự phòng phải thu khó đòi.

Biểu 3.6: Mẫu bảng đối chiếu công nợ**CÔNG TY CỔ PHẦN LISEMCO 5****BẢNG ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ**

Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014

STT	Tên công ty	Số tiền nợ	Thời hạn	Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng (%)	Số tiền trích lập dự phòng
1	Công ty Cổ phần Lisemco	250.000.000	2 năm	6 tháng	30	75.000.000
2	Công ty TNHH Megatech Việt Nam	80.000.000	1 năm	2 tháng	30	24.000.000
3	Công ty Winel Việt Nam LTD	50.000.000	1 năm	2 tháng	30	15.000.000
4	Công ty Cổ phần Xây dựng SongDa Jurong	100.000.000	2 năm	8 tháng	50	50.000.000
5	Công ty TNHH Nhà máy tàu biển Hyundai Vinashin	150.000.000	2 năm	9 tháng	50	75.000.000
					
	Cộng	2.700.000.000				500.000.000

Kế toán ghi bút toán: Nợ TK 642: 500.000.000

Có TK 139: 500.000.000

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh của nền kinh tế thị trường nhiều thách thức như hiện nay, để đứng vững và phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng chiếm vị trí, vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm, tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp. Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó giúp các nhà quản lý có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn, mở rộng sản xuất, tăng lợi nhuận.

Trong khuôn khổ chuyên đề em nghiên cứu này, với kiến thức đã học được ở trường kết hợp với thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Lisemco 5, đề tài đã trình bày chi tiết về những cơ sở lý luận để áp dụng vào thực tế và thực trạng " Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh" tại Công ty Cổ phần Lisemco 5. Bên cạnh đó, đề tài cũng nêu ra những kết quả đạt được và những tồn tại cần khắc phục trong tổ chức doanh nghiệp cũng như trong tổ chức kế toán tại doanh nghiệp để từ đó mạnh dạn đề xuất một số biện pháp với hy vọng đóng góp một phần nào đó nhằm hoàn thiện hơn nữa tổ chức kế toán nói chung và "Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh" nói riêng tại doanh nghiệp.

Trên đây là kết quả sau thời gian thực tế tại Công ty Cổ phần Lisemco 5. Tuy thời gian thực tập để tìm hiểu thực tế không nhiều và kiến thức vẫn còn nằm trong khuôn khổ nhất định nên bài viết của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày...tháng...năm 2015

Sinh viên

Trần Tuyết Mai

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Kế toán tài chính PGS.TS Nghiêm Văn Lợi – Nhà xuất bản Tài chính – Năm 2007.
- [2]. Lý thuyết hạch toán kế toán PGS.TS Nguyễn Thị Đông – Nhà xuất bản Tài chính – Năm 2007.
- [3]. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- [4]. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính).
- [5]. Các tài liệu sổ sách do Công ty Cổ phần Lisemco 5 cung cấp.
- [6]. Các trang web chính thức của Nhà nước, các trang web kinh tế và báo cáo kế toán,...